

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG  
-----o0o-----



**KỶ YẾU HỘI THẢO  
PHÁT TRIỂN & THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC  
ĐẠI CƯƠNG**

**KHÁNH HÒA, NGÀY 27 THÁNG 5 NĂM 2017**

## MỤC LỤC

<b>STT</b>	<b>Chủ đề báo cáo</b>	<b>Tác giả</b>	<b>Trang</b>
<b>1</b>	Vai trò tất yếu của nghiên cứu khoa học trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở trường Đại học Nha Trang hiện nay, thực trạng và giải pháp	ThS. Nguyễn Văn Hạnh Bộ môn Lý luận Chính trị - Khoa Khoa học Chính trị	<b>4</b>
<b>2</b>	Thảo luận về chương trình và phương pháp dạy học tích cực phù hợp học phần Vật lý đại cương	ThS. Phan Văn Tiến Bộ môn Vật Lý – Khoa Điện- Điện tử	<b>12</b>
<b>3</b>	Một số đề xuất giảng dạy học phần Toán giải tích cho Sinh viên Đại học Nha Trang	ThS. Thái Bảo Khánh Bộ môn Toán – Khoa Công nghệ Thông tin	<b>19</b>
<b>4</b>	Đề xuất giải pháp phát triển và thực hiện chương trình Giáo dục đại cương	TS. Tô Văn Phương Phòng Đào tạo	<b>24</b>
<b>5</b>	Một vài đề xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chương trình giáo dục đại cương	ThS. Nguyễn Thủy Đoan Trang Bộ môn Hệ thống Thông tin – Khoa Công nghệ Thông tin	<b>34</b>
<b>6</b>	Một số giải pháp nhằm triển khai học phần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đối với Sinh viên trường Đại học Nha Trang	ThS. Nguyễn Thị Huyền Thương Bộ môn Quản trị Du lịch – Khoa Kinh tế	<b>41</b>
<b>7</b>	Thực trạng và một số giải pháp nâng cao chất lượng thực hành Hóa cơ bản ở trường Đại học Nha Trang	Nhóm tác giả : Hoàng Thị Huệ An, Hoàng Thị Thu Thảo, Trần Thị Thảo Vy, Lê Mỹ Kim Vương, Phạm Anh Đạt Bộ môn Công nghệ Kỹ thuật Hóa học – Khoa Công nghệ Thực phẩm	<b>50</b>

<b>8</b>	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Hóa học Đại cương tại trường Đại học Nha Trang	Nhóm tác giả : Trần Quang Ngọc, Phan Vĩnh Thịnh, Trần Thị Hoàng Quyên, Hà Thị Hải Yến Bộ môn Công nghệ Kỹ thuật Hóa học – Khoa Công nghệ Thực phẩm	<b>60</b>
<b>9</b>	Ứng dụng phương pháp học tập phục vụ cộng đồng trong quá trình giảng dạy các học phần kỹ năng mềm	ThS. Huỳnh Phương Duyên Bộ môn KHXH & NV – Khoa Khoa học Chính trị	<b>70</b>
<b>10</b>	Sinh viên năm nhất và những thách thức đặt ra	Trần Trương Thy Thơ – Phòng Đảm bảo Chất lượng & Thanh tra	<b>80</b>

# VAI TRÒ TẤT YẾU CỦA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG HIỆN NAY, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

*ThS. Nguyễn Văn Hạnh*

*Bộ môn Lý luận Chính trị - Khoa Khoa học Chính trị*

## **1. Tóm tắt**

Với mục tiêu hiện thực hóa chỉ thị 296/CT-TTg ngày 27/2/2010 của thủ tướng chính phủ về đổi mới giáo dục đại học giai đoạn 2010-2020, trong đó nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được xác định là nhiệm vụ hàng đầu cho hoạt động chuyên môn của giảng viên ở các trường đại học, cao đẳng trong cả nước. Lý luận chính trị còn là sản phẩm của hoạt động nghiên cứu về lý luận và thực tiễn chính trị của giai cấp trong việc đấu tranh giành, giữ và xây dựng chính quyền nhà nước. Chính vì vậy, đối với giảng viên giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học không thể tách rời với nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, nghiên cứu khoa học – giảng dạy – học tập – nghiên cứu là một chuỗi quá trình có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng, là cơ sở và phương pháp hỗ trợ tích cực cho hoạt động giảng dạy.

Bên cạnh đó, thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học ở trường ĐHTN nói chung và khoa Khoa học Chính trị nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế. Bài tham luận muốn gửi đến các thầy cô và sinh viên một cái nhìn khách quan về tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học trong giảng dạy và học tập lý luận chính trị, từ đó giúp cho Khoa và Nhà trường có những bước đi phù hợp góp phần đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường đại học hiện nay.

## **2. Đặt vấn đề**

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, con đường cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo ở trường đại học là phải đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, trong đó lấy nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học làm cơ bản. Trong đó, lĩnh vực lý luận chính trị cần lấy nghiên cứu khoa học chính trị nhằm hình

thành, kiểm nghiệm, bổ sung và hoàn thiện tri thức lý luận và thực tiễn cho việc nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở trường đại học.

Tuy nhiên, hoạt động nghiên cứu khoa học ở các trường đại học cho đến nay, nhất là nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị đang có nhiều hạn chế, chưa thực sự đi vào chiều sâu, chưa giải quyết tốt nhu cầu đặt ra. Bài viết xác định nhu cầu tất yếu, tăng cường khả năng nghiên cứu khoa học trong giảng dạy và học tập các học phần lý luận chính trị ở trường đại học Nha Trang hiện nay, trên cơ sở phân tích thực trạng, xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng hiệu quả hơn.

### **3. Nội dung**

#### *3.1. Cơ sở lý luận*

Giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở trường đại học và cao đẳng từ trước đến nay luôn có vai trò quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục kiến thức các học phần đại cương; nó không chỉ trang bị thể giới quan, nhân sinh quan mà còn trang bị phương pháp luận khoa học cho sinh viên để học tốt hơn các môn khoa học khác và góp phần nhìn nhận đúng đắn những vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra. Bản thân C.Mác, Ph.ăngghen hay Lênin đã từng nói, chúng ta không nên coi lý luận là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm, trái lại, “chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống”.

Học tập và nghiên cứu các học phần lý luận chính trị còn liên quan mật thiết đến các lĩnh vực chính trị, xã hội, đạo đức, văn hóa của dân tộc, cho nên được xác định đây là lĩnh vực rất quan trọng. Vì vậy, để nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở trường đại học nói chung và đại học Nha Trang nói riêng đòi hỏi phải gắn chặt với công tác nghiên cứu khoa học, trực tiếp là khoa Khoa học Chính trị phải hết sức coi trọng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên.

Bên cạnh đó, nghiên cứu khoa học có tầm quan trọng đặc biệt trong giáo dục đại học và sau đại học, vì không những góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn tạo ra những tri thức mới, sản phẩm mới phục vụ cho sự phát triển của nhân loại. Với tầm quan trọng như vậy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ II, Ban chấp hành Trung ương khóa VIII của Đảng ta có nêu: “*các trường đại học phải là trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống*”. Chi

thị 296/CT-TTg ngày 27/2/2010 của Thủ tướng chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2020 cũng nêu rõ: “*nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học ở các trường đại học, góp phần tích cực nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội*”.

Riêng hoạt động nghiên cứu khoa học đối với các học phần lý luận chính trị giúp giảng viên mở rộng, tìm hiểu sâu kiến thức chuyên môn để giảng dạy tốt hơn. Người giảng viên muốn có bài giảng hấp dẫn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc và phong phú thì trước hết phải có kiến thức chuyên môn thật vững, phong kiến thức nền thật rộng. Những kiến thức đào tạo ở trường đại học hoặc sau đại học chỉ là phần rất nhỏ trong bể kiến thức vô cùng rộng lớn. Do đó, để giảng dạy tốt, giảng viên phải tự bồi dưỡng kiến thức cho mình thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học.

Khi tham gia hoạt động này, buộc giảng viên phải đọc, phải suy ngẫm, phải tìm tòi cái mới, phải giải thích, chứng minh vấn đề đặt ra. Những hoạt động tư duy đó làm cho trình độ nhận thức của giảng viên ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu càng cao của người học, góp phần không nhỏ vào nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần lý luận chính trị hiện nay.

Ngoài ra hoạt động nghiên cứu khoa học còn góp phần quan trọng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, qua đó để khẳng định uy tín của Nhà trường. Mỗi bài viết tham gia hội thảo được đánh giá cao, mỗi công trình nghiên cứu khoa học ở cấp tỉnh, bộ, nhà nước, bài báo đăng trên tạp chí gắn tên của giảng viên và cơ sở đào tạo góp phần tạo thêm danh tiếng cho Nhà trường. Danh tiếng của trường không phải cái gì đó chung chung, trừu tượng mà nó phải được thể hiện thông qua thành tích đóng góp của từng cán bộ giảng viên, sinh viên của trường. Thành tích cá nhân góp phần làm nên thành tích của một tập thể.

### *3.2. Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học các học phần lý luận chính trị ở khoa Khoa học Chính trị trường đại học Nha Trang hiện nay*

Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ hiện nay, kiến thức rất nhanh bị lạc hậu. Như tác động của truyền thanh, tuyên hình, báo mạng, Facebook, cách mạng công nghiệp 4.0,... đặc biệt, mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động làm cho cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lí luận càng trở nên nóng bỏng, có những diễn biến khó lường. Nếu giảng viên không tham gia nghiên cứu khoa học thì khó có thể cập nhật kiến thức mới, bài giảng sẽ khô khan thiếu tính thực tiễn. Vì vậy,

thông qua thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học buộc giảng viên phải tìm kiếm tài liệu, đọc rất nhiều để tìm ra những tri thức mới, luận cứ mới, từ đó mới có cơ sở đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái, thù địch trên mặt trận tư tưởng lí luận hiện nay.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học, tập thể giảng viên khoa Khoa học Chính trị đã nỗ lực triển khai tích cực công tác này. Tuy nhiên, thực trạng công tác nghiên cứu khoa học ở đơn vị còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

Về phía giảng viên, 100% cán bộ đều nhận thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu khoa học, nhưng do tính chất đặc thù của khoa chủ yếu giảng dạy các môn thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nên rất khó có sản phẩm mới trong nghiên cứu; đối với lĩnh vực này đòi hỏi một quá trình lâu dài chuẩn bị về ý tưởng cũng như nguồn tư liệu đa dạng, đặc biệt là vốn sống thực tế phong phú mới đáp ứng được đòi hỏi của nghiên cứu khoa học trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Qua bảng số liệu sau đây chúng ta cũng có thể nhìn thấy bức tranh nghiên cứu khoa học của khoa đang ở vị trí nào. Mặc dù qua các năm đều có sự tăng lên về số lượng, nhưng so với tình hình thực tế nghiên cứu khoa học của các trường đại học trong nước thì còn rất khiêm tốn.

Năm học	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÁC CẤP CỦA KHOA KHCT					
	Bộ môn (số lần)	Khoa (số lần)	Trường (số bài)	Tỉnh (số bài)	Tạp chí (số bài)	Đề tài
2011-2012	5	2	7			
2012-2013	4	1			1	
2013-2014	10	2	1		2	1(t)
2014-2015	10	2	12	2	3	
2015-2016	14	1	4	5	4	1 (b)
2016-2017	7	1	4			4(t)

Chú thích: (t): đề tài cấp trường; (b) đề tài cấp bộ

Về phía người học, một thực tế đáng buồn là đông đảo sinh viên, học viên hiện nay ra trường kỹ năng nghiên cứu và thực hành còn rất yếu, không đáp ứng được nhu

cầu của nhà tuyển dụng lao động. Đó là hệ quả của việc người học thiếu sự quan tâm nghiên cứu khoa học, ngay cả phương pháp học tập và tư duy nghề nghiệp cũng rất còn hạn chế. Kết quả là đơn vị tuyển dụng lao động phải tốn kém thời gian, tiền của, công sức để tổ chức đào tạo lại. Vấn đề đặt ra là tại sao cơ sở đào tạo không tìm hiểu, nghiên cứu thực tế để có một chương trình đào tạo đúng hướng, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Hiện nay ở trường ĐHNT, công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên và học viên cao học còn khiêm tốn, mang tính phong trào, nặng tính hình thức, chưa đi vào thực chất. Nhiều sinh viên còn cảm thấy xa lạ với công tác nghiên cứu khoa học, thiếu thói quen nghiên cứu khoa học, chưa có kỹ năng cơ bản cho việc nghiên cứu khoa học. Chẳng hạn như việc chọn đề tài, lập đề cương, xây dựng cấu trúc, lựa chọn phương pháp, giải quyết vấn đề, cách trình bày văn bản báo cáo khoa học,... còn nhiều hạn chế.

Nhiều sinh viên không định hình được thế nào là nghiên cứu khoa học, thế nào là phương pháp quy nạp, diễn dịch, phân tích, tổng hợp, điều tra, phỏng vấn,... thậm chí viết tiểu luận có sinh viên còn viết thành một bài văn xuôi, không có cấu trúc của một tiểu luận có tính khoa học. Ngay cả đối tượng học cao học triết học với thời lượng 90 tiết nhưng chưa có bất cứ một bài nào tham gia tham luận hội thảo chuyên môn của Bộ môn. Tiểu luận triết học cao học chủ yếu cắt, dán, sao chép nội dung trên mạng, thiếu liên hệ thực tiễn; tiểu luận làm mang tính chất đối phó.

Nhìn chung hoạt động nghiên cứu khoa học thuộc học phần lý luận chính trị của trường ĐHNT cho đến nay hiệu quả còn thấp. Theo tác giả nguyên nhân cơ bản như sau: hoạt động NCKH thuộc lĩnh vực lý luận chính trị trường ta chưa thực sự được chú trọng; số giảng viên, sinh viên và học viên cao học chưa hiểu hết tầm quan trọng của NCKH còn nhiều; giảng viên thuộc lĩnh vực lý luận chính trị đang còn dành nhiều thời gian cho hoạt động giảng dạy; các phòng chức năng, khoa, viện nghiên cứu, tuy đã có nhiều cố gắng nhưng chưa tham mưu cho lãnh đạo nhà trường nhiều giải pháp có hiệu quả nhằm thúc đẩy giảng viên, sinh viên nghiên cứu khoa học; chế độ đãi ngộ của nhà trường chưa thực sự tạo động lực cho sinh viên, giảng viên tham gia NCKH; việc tiếp cận đến các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường còn khó khăn, khâu thủ tục hành chính rườm rà, thiếu chuyên nghiệp.

### 3.3. Giải pháp



Xuất phát từ thực trạng nghiên cứu khoa học của trường đại học Nha Trang, trong đó trực tiếp là giảng viên và sinh viên liên quan đến việc tích lũy các học phần lý luận chính trị, tác giả xin đưa ra một số giải pháp góp phần đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của trường trong thời gian tới.

*Thứ nhất*, cần sớm xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp, khuyến khích, tạo động lực để giảng viên, sinh viên, học viên cao học tham gia nghiên cứu khoa học các học phần thuộc lý luận chính trị. Để hiện thực hóa điều này cần thực hiện các công việc sau:

*Nâng cao nhận thức của giảng viên, sinh viên, cao học viên và cán bộ quản lý về tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học thuộc học phần lý luận chính trị.*

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chiến lược khoa học công nghệ, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về hoạt động khoa học công nghệ đến giảng viên, sinh viên và cán bộ quản lý kịp thời, có hiệu quả. Bên cạnh đó, cần xác định hoạt động NCKH có vị trí quan trọng, có liên quan trực tiếp đến chất lượng giáo dục đào tạo các học phần lý luận chính trị của Nhà trường. Vì thế, giảng viên phải có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết quả của nghiên cứu khoa học phải được xem là một tiêu chí đánh giá về chất lượng chuyên môn của giảng viên.

*Tạo môi trường hoạt động khoa học sôi nổi đối với học phần lý luận chính trị.*

Hình thành các giải thưởng khoa học công nghệ với quy mô khác nhau để thu hút sinh viên, giảng viên trong hoạt động này và tạo nên môi trường NCKH năng động. Khuyến khích tổ chức hội nghị, hội thảo, semina, sinh hoạt chuyên môn tại khoa, bộ môn; cần có một phần kinh phí nhằm hỗ trợ cho khoa, bộ môn trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo, các cuộc thi Olympic Mác-Lênin.

Ban hành một số quy định bắt buộc về số bài báo, đề tài NCKH hàng năm đối với cán bộ giảng dạy theo học hàm, học vị, kể cả cán bộ giảng dạy kiêm nhiệm quản lý. Tạo điều kiện cho các giảng viên trẻ được tiếp cận chủ nhiệm các đề tài cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ, vừa có đủ điều kiện xét giảng viên chính vừa khơi dậy đam mê NCKH của giảng viên.

*Thứ hai*, tăng cường các điều kiện phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên, cao học viên và cán bộ quản lý.

Huy động kinh phí NCKH từ nhiều nguồn khác nhau. Các Bộ môn cần chủ động thành lập các nhóm nghiên cứu, tập hợp các nhà khoa học có năng lực nghiên cứu để tham gia xây dựng đề tài có kinh phí lớn; liên kết và hợp tác với trường bạn có cùng chuyên môn về lĩnh vực lý luận chính trị vừa chia sẻ kinh nghiệm vừa tham gia cộng tác viên các đề tài khoa học cấp trường, cấp tỉnh, ...

Đẩy mạnh hợp tác NCKH với các địa phương, các tỉnh thành trong cả nước. Nhà trường cần đẩy mạnh ký kết hợp tác với sở khoa học và công nghệ các tỉnh trong việc thực hiện đầu thầu NCKH các đề tài mà giảng viên khoa lý luận chính trị có thể đảm đương được.

*Thứ ba*, tăng cường công bố, ứng dụng kết quả, sản phẩm của hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

Xuất bản định kỳ các ấn phẩm khoa học như: Tài liệu hướng dẫn học tập các học phần lý luận chính trị, sách chuyên khảo, sách tham khảo,...

Nâng cao nhận thức về hoạt động sở hữu trí tuệ cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên; tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

Tích cực tham gia viết tin bài tuyên truyền cho Nhà trường cũng như tham gia viết báo gửi đăng trên các trang web điện tử để được tính giờ NCKH.

*Thứ tư*, làm tốt công tác tổ chức, bồi dưỡng các lớp phương pháp nghiên cứu khoa học cho sinh viên và học viên cao học.

Giảng viên cần hướng dẫn cho sinh viên và học viên cao học phương pháp nghiên cứu khoa học, mạnh dạn tham gia nghiên cứu khoa học với các hình thức và mức độ phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng luận văn, luận án cho người học.

Đặc biệt phải định hướng người học đến việc xác định và lập kế hoạch để tiến hành nghiên cứu những vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra, muốn vậy các phòng ban, khoa, viện phải có kế hoạch, chương trình cụ thể, hỗ trợ thiết thực cho giảng viên và người học tham gia hoạt động nghiên cứu.

#### **4. Kết luận:**

Tóm lại, nghiên cứu khoa học và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học là xu hướng tất yếu để nâng cao chất lượng dạy và học các học phần lý luận chính trị ở trường ta. Bằng nhiều cách khác nhau, nghiên cứu khoa học sẽ tạo ra những bước đi ban đầu để người học tiếp cận với những vấn đề cuộc sống cần giải đáp. Việc nghiên

cứu khoa học nghiêm túc giúp chúng ta rèn luyện tư duy sáng tạo, bước đầu trau dồi phương pháp luận nghiên cứu khoa học.

Vì vậy, để nâng cao chất lượng dạy và học không có con đường nào khác là nghiên cứu khoa học với tinh thần cầu thị, với tư duy tìm kiếm những chân lí mới góp phần nâng cao nhận thức lý luận và đến gần thực tiễn hơn. Trên đây là toàn bộ suy nghĩ của tác giả về vấn đề nghiên cứu khoa học trong việc giảng dạy các học phần lý luận chính trị, mong nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, giảng viên và sinh viên từng bước đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học đến với nhiều người tạo dựng nên môi trường văn hóa trong nghiên cứu khoa học.

#### **5. Danh mục tài liệu tham khảo**

- 5.1. C.Mác-Ăgghen toàn tập, Nxb.Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2001
- 5.2. Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Nxb.Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2015
- 5.3. Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb.Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2011
- 5.4. Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia năm 2015

# THẢO LUẬN VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC PHÙ HỢP HỌC PHẦN VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG

*ThS. Phan Văn Tiến*

*Bộ môn Vật lý, Khoa Điện – Điện tử*

## I. Thảo luận về Chương trình học phần Vật lý đại cương theo **Luật Giáo Dục**

### **I.1. Điều 40.** *Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục đại học*

*1. Nội dung giáo dục đại học phải có tính hiện đại và phát triển, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa kiến thức khoa học cơ bản, ngoại ngữ và công nghệ thông tin với kiến thức chuyên môn và các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; ...*

Như vậy theo Luật Giáo dục: kiến thức khoa học cơ bản, ngoại ngữ và công nghệ thông tin và các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những nội dung cấu thành bắt buộc trong hệ thống giáo dục Đại học của Việt Nam.

Chương trình Giáo dục đại cương mang nội hàm giáo dục nền tảng chung cho sinh viên đại học. Cần nhấn mạnh Chương trình Giáo dục đại cương không nhằm mục đích phục vụ đào tạo chuyên ngành. Chương trình phục vụ cho đào tạo chuyên ngành là các học phần Cơ sở. Nó thuộc các Khoa chuyên ngành quản lý. Điều này là rõ ràng. Cấu trúc của chương trình đào tạo đại học có hai phần giáo dục đại cương và đào tạo chuyên ngành. Tuy nhiên gần đây có nhiều phát biểu không dựa vào Luật giáo dục, mà dựa vào ý kiến tùy tiện cá nhân, cho rằng Chương trình giáo dục đại cương phải phục vụ chuyên ngành.

Cũng cần nói thêm theo Luật Giáo dục Đại học, mục tiêu của giáo dục đại học là: Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, không phải chỉ đào tạo nghề.

### **I.2. Điều 41.** *Chương trình, giáo trình giáo dục đại học*

*1. Chương trình giáo dục đại học thể hiện mục tiêu giáo dục đại học; ... bảo đảm yêu cầu liên thông với các chương trình giáo dục khác.*

Nội dung Chương trình vật lý đại cương hiện nay ở Trường Đại học Nha Trang bảo đảm được tính liên thông với chương trình vật lý đại cương của các trường đại học trong hệ thống Giáo dục đại học Việt Nam. Đồng thời bảo đảm được tính liên thông giữa các ngành khác nhau trong trường.

- a. Học phần Thực hành thí nghiệm vật lý đại cương với thời lượng 1 tín chỉ tương đương với các trường đại học khác.
- b. Học phần Vật lý đại cương với thời lượng 3 tín chỉ là thấp so với các trường đại học khác trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Điều này được khắc phục bằng cách thay đổi phương pháp dạy học nâng cao năng lực tự học của sinh viên.

2. *Giáo trình giáo dục đại học cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình giáo dục đối với mỗi môn học, ...*

*Hiệu trưởng trường cao đẳng, trường đại học tổ chức biên soạn hoặc tổ chức lựa chọn; duyệt giáo trình giáo dục đại học để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức trong trường trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Hiệu trưởng thành lập để bảo đảm có đủ giáo trình giảng dạy, học tập.*

Học phần Vật lý đại cương và học phần Thực hành thí nghiệm vật lý đại cương ở Trường đại học Nha Trang đã được Hiệu trưởng tổ chức biên soạn và nghiệm thu ban hành làm tài liệu giảng dạy chính thức.

**Đề nghị:** *Cần rà soát lại tất cả các học phần đã được Hiệu trưởng tổ chức biên soạn, lựa chọn và quyết định ban hành làm tài liệu giảng dạy chính thức chưa?*

## II. Thảo luận về Phương pháp dạy-học phù hợp tích cực học phần Vật lý đại cương

### II.1. Luật Giáo Dục

**Điều 40.** *Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục đại học*

2. *Phương pháp đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, **năng lực tự học, tự nghiên cứu**, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng.*

### II.2. Một số phương pháp dạy bậc đại học – TS. Lê Văn Hảo - Năm 2011

*“Đừng cố gắng dạy tất cả những gì có trong chương trình, sách giáo khoa. Không ít GV vẫn tin rằng SV sẽ học được từ những gì mình đã truyền đạt. “Nói không phải là dạy, và thông tin không phải là kiến thức” là một sự khẳng định khá chính xác. Hãy giới thiệu cho SV những điều cốt lõi và hướng dẫn họ tìm hiểu những phần còn lại. Kiểm tra đánh giá là công cụ tốt để hướng SV đến những nội dung họ cần tự học. Xác định*

*rõ mục đích và cho trước những câu hỏi định hướng càng giúp việc tự nghiên cứu tài liệu của SV đạt hiệu quả cao”.*

### **Có 3 vấn đề cần thảo luận:**

**1) Vấn đề thứ nhất :** *Đừng cố gắng dạy tất cả những gì có trong chương trình, sách giáo khoa.*

Theo tôi, cách đặt vấn đề này là rất chuẩn xác và đúng bản chất của quá trình dạy học.

Khi dạy một môn học không có giáo trình. GV phải trình bày tất cả và SV phải ghi tất cả. Khi đó SV chỉ học duy nhất theo bài ghi lời giảng của GV. Rõ ràng đây là một phương pháp dạy học lạc hậu và kém hiệu quả.

Để nâng cao chất lượng dạy học GV tiến hành đổi mới phương pháp dạy học bằng cách biên soạn giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo được gọi chung là *tài liệu học tập nhằm tổ chức và hướng dẫn SV tự học dễ dàng.*

Khi đó SV vừa học theo tài liệu học tập vừa học theo GV. Tài liệu học tập là một phiên bản của GV, đại diện cho GV dạy SV tự học một phần chương trình môn học. *Khi có tài liệu học tập GV sẽ không giảng dạy tất cả chương trình và phương pháp giảng dạy sẽ phải khác đi.*

Tính hướng dẫn tự học của tài liệu học tập càng cao thì GV giảng dạy càng “khỏe”, còn SV học tập càng vừa sức và càng hiệu quả.

Tính hướng dẫn tự học của tài liệu học tập càng cao thì càng thể hiện tính đại chúng, tức giúp đa số SV học tập môn học dễ dàng.

Biên soạn tài liệu học tập để phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học là yêu cầu của phương pháp dạy học đại học hiện đại.

Có thể nói chất lượng đào tạo phụ thuộc vào ba yếu tố: Chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo và phương pháp dạy học. Phương pháp dạy học đại học phù hợp và hiệu quả nhất với nền giáo dục đại chúng và đào tạo theo tín chỉ với thời gian dành cho môn học giảm xuống là phương pháp dạy học dân chủ. Nội hàm dân chủ thể hiện ở việc tổ chức và hướng dẫn SV tự học.

Cho nên theo tôi: *Để bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo theo tín chỉ hiện nay. Điều cốt yếu có tính đột phá đầu tiên là biên soạn tài liệu học tập theo hướng tăng cường hướng dẫn tự học cho SV.*

Tôi đề nghị: Lấy việc “tăng cường hướng dẫn tự học cho SV” làm tiêu chí để đánh giá thực trạng của các tài liệu học tập của tất cả các môn học. Và lấy tiêu chí này làm định hướng để hoàn thiện và phát triển tài liệu học tập trong tương lai.

**2) Vấn đề thứ hai:** Không ít GV vẫn tin rằng SV sẽ học được từ những gì mình đã truyền đạt. “Nói không phải là dạy, và thông tin không phải là kiến thức” là một sự khẳng định khá chính xác.

Đó chính là triết lí của phương pháp dạy học tích cực: *Phương pháp dạy học tự học. Người ta đã nghiên cứu thống kê tỉ lệ kiến thức NHỚ được sau khi học như sau:*

- 20% qua những gì mà ta NGHE được
- 30% qua những gì mà ta NHÌN được
- 80% qua những gì mà ta NÓI được
- 90% qua những gì mà ta NÓI và LÀM được

Lối học mà SV nghe và nhìn là lối dạy mà GV diễn giảng độc thoại một chiều, không dân chủ và hiệu quả kém.

Lối học mà SV nói và làm là phương pháp dạy học dân chủ và có hiệu quả cao. Trong phương pháp dạy học dân chủ GV tổ chức cho SV nói và làm, tức tổ chức cho SV tự học.

Thông qua việc tổ chức cho SV tự học- nói và làm - các kiến thức và kỹ năng của môn học thấm thấu vào tư duy của SV một cách vững chắc.

Từ đây năng lực tự học của SV được hình thành và phát triển. Đây chính là mục tiêu mong đợi, ngoài kiến thức và kỹ năng của môn học, nhất là giai đoạn đại cương. Nó chính là hành trang của sự trưởng thành, mà SV cần có để tự tin đi tiếp.

Vì vậy có thể nói: phương pháp dạy học tự học là phương pháp giảng dạy phù hợp và hiệu quả nhất với nền giáo dục đại chúng và đào tạo theo tín chỉ.

**3) Vấn đề thứ ba:** Hãy giới thiệu cho SV những điều cốt lõi và hướng dẫn họ tìm hiểu những phần còn lại. Kiểm tra đánh giá là công cụ tốt để hướng SV đến những nội dung họ cần tự học. Xác định rõ mục đích và cho trước những câu hỏi định hướng càng giúp việc tự nghiên cứu tài liệu của SV đạt hiệu quả cao.

Ai cũng biết, bất cứ môn học nào cũng có mục tiêu của môn học đó. Mục tiêu đó yêu cầu SV phải đạt được kiến thức gì và kỹ năng gì. Để đạt được kiến thức và kỹ năng đó SV phải làm gì.

Rõ ràng, mục tiêu của môn học sẽ và phải được thể hiện cụ thể bằng hệ thống các bài tập định tính (kiến thức) và bài tập định lượng (kỹ năng).

Để giải quyết hệ thống các bài tập SV phải tự nghiên cứu tài liệu học tập theo cá nhân ở nhà, phải tham gia thảo luận theo nhóm nhỏ, nghe sự hướng dẫn của GV trong giờ tiếp SV và tham dự nghe giảng và thảo luận ở lớp học.

Tôi đề nghị: Cần phải coi *“Hệ thống các câu hỏi và bài tập tự học”* làm tiêu chí để đánh giá thực trạng phương pháp giảng dạy tất cả các môn. Và lấy tiêu chí này làm định hướng để hoàn thiện và thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy thích hợp.

**II.3. Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.**

*“Hiệu trưởng quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp”*

Hiện nay Trường đại học Nha Trang chưa có chế độ quy định tính ra khối lượng giờ cho Giảng viên phần lao động *“chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp”*

Ở Bộ môn Vật lý việc xây dựng câu hỏi tổ chức tự học cho sinh viên là một nội dung đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực. Và được tổ chức sinh hoạt học thuật trong Bộ môn, được ghi nhận giờ khoa học.

**III. Thảo luận về tổ chức dạy học và đánh giá học phần Vật lý đại cương theo quy định đào tạo tín chỉ**

**III.1** *“Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp”*

Hiện nay ở Trường Đại học Nha Trang trong tổ chức đào tạo, 1 tín chỉ thực hành thí nghiệm tại phòng thí nghiệm được tổ chức 30 tiết, thực hiện đúng Quy định. Còn việc tổ chức cho sinh viên NÓI VÀ LÀM (nội hàm tự học) tức thực hành thảo luận tại lớp học của học phần lý thuyết. Còn là “khoảng trống”



Ở Đại học Bách Khoa TP.HCM học phần Vật lý 1 (4tc) được tổ chức dạy học 75 tiết ở lớp học. Tại sao không tổ chức  $4 \times 15 = 60$  tiết, mà 75 tiết. Vì có quy định trong 4tc có 1tc tổ chức Thực hành thảo luận ở lớp: 1tc Thực hành (30 tiết) + 3tc lý thuyết (45 tiết) = 75 tiết

Ở Trường Đại học Nha Trang khi triển khai đào tạo theo tín chỉ từ khóa 52. Học phần Vật lý đại cương 3tc, áp dụng Quy chế đào tạo theo tín chỉ, tôi tổ chức dạy học 60 tiết, không phải 45 tiết. Vì tôi quy định 2/3 tc (10 tiết) thực hành thảo luận ( thực hiện 20 tiết) + 35 tiết dạy lý thuyết + 5 tiết thi giữa học phần và kiểm tra = 60 tiết.

**Kiến nghị:** Cần xem xét lại hệ số nhân 1,25 trong quy đổi ra giờ. Tổ chức dạy học và quy đổi ra giờ phù hợp với quy định đào tạo theo tín chỉ

**III.2.** “Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; **điểm thi giữa học phần**; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.”

Áp dụng Quy định đào tạo theo tín chỉ và áp dụng yêu cầu tính vừa sức và tăng tính tích cực trong quá trình học. Học phần Vật lý đại cương thực hiện đánh giá theo quá trình như sau:

STT	Hình thức đánh giá	Trọng số (%)
1	Đánh giá học tập tại lớp học	10
2	Bài tập về nhà nộp	10
3	Thi giữa học phần (Cơ-Nhiệt)	25
4	Chuyên cần	5
5	Thi kết thúc học phần (Điện-Từ-Quang-Lượng tử)	50

Phần Cơ-Nhiệt được tổ chức thi giữa học phần. Vì hình thức đánh giá Thi (không phải kiểm tra). Nên nếu SV không đạt được tổ chức thi lại trong quá trình học. Thi kết thúc học phần cuối học kỳ với 50% nội dung còn lại của học phần (Điện-Từ-Quang-Lượng tử)

#### IV. Kết quả học tập của sinh viên trong HKI năm học 2016-2017

Điểm	58NL= 49sv	58KTT = 60sv	58CDT = 73sv	58CNL = 28sv
9 - 10	0sv	0sv	2sv	0sv
8 – 8,75	4sv	7sv	9sv	0sv
7 – 7,75	6sv	6sv	16sv	2sv
6 – 6,75	22sv	17sv	18sv	4sv
5 – 5,75	14sv	24sv	20sv	19sv
4 – 4,75	3sv	6sv	6sv	2sv
3 – 3,75	0sv	0sv	1sv	1sv
2 – 2,75	0sv	0sv	1sv	0sv
Tỉ lệ đạt	94%	90%	89%	89%
Tỉ lệ khá-giỏi	20%	22%	37%	7%

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục
2. Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
3. Giáo Dục Học Đại Học – GS.TSKH. Lâm Quang Thiệp – PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc – TS. Lê Việt Khuyển – TS. Đặng Xuân Hải – Đại Học Quốc Gia Hà Nội. Năm 2003
4. Một số phương pháp dạy bậc đại học – TS Lê Văn Hào - Năm 2011
5. Phương Tiện Dạy Học – Tô Xuân Giáp- Nhà Xuất Bản Giáo Dục. Năm 1998

# MỘT SỐ ĐỀ XUẤT GIẢNG DẠY HỌC PHẦN TOÁN GIẢI TÍCH CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC NHA TRANG

*ThS. Thái Bảo Khánh*

*Bộ môn Toán – Khoa Công nghệ Thông tin*

**Tóm tắt:** Tạo niềm đam mê, hứng thú học tập cho sinh viên có vai trò rất quan trọng trong giáo dục đại học nói chung và là thử thách mà bất kỳ giảng viên nào cũng gặp phải. Giải tích là học phần cơ bản của Toán học được giảng dạy ở bậc đại học, với kiến thức tương đối nhiều, học phần đòi hỏi tư duy logic và khả năng tính toán cao, mang tính học thuật nên nhiều sinh viên không cảm thấy hứng thú khi tham gia học học phần này dẫn đến kết quả học tập thấp. Vậy làm thế nào để tạo sự hứng thú cho sinh viên học tập học phần Giải tích, nâng cao kết quả học tập của sinh viên và từ đó nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Nha trang là vấn đề cần được thảo luận, nghiên cứu. Trong báo cáo này chúng tôi đưa ra một số đề xuất trong việc dạy và học tập học phần Giải tích phù hợp với đặc thù một trường Đại học kỹ thuật .

**Từ khóa:** *Giải tích, hứng thú trong học tập, chất lượng đào tạo.*

## **I. Đặt vấn đề**

Theo quyết định số 439/QĐ-ĐHNT, học phần Giải tích là học phần thuộc Chương trình khối giáo dục đại cương, được giảng dạy chung cho sinh viên năm thứ nhất trong các ngành (trừ ngành ngoại ngữ). Các tri thức về Giải tích đã được ứng dụng một cách rộng rãi. Bên cạnh việc trang bị các kiến thức cơ bản cho các học phần cơ sở, chuyên ngành như Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế lượng, Cơ học lý thuyết, Vật lý, Hóa học,...và rèn luyện các thao tác tư duy như khái quát hóa, đặc biệt hóa, mô hình hóa, phát hiện và giải quyết vấn đề,...thì việc học Giải tích còn góp phần rèn luyện các kỹ năng như làm việc cụ thể, kỹ năng tự học,...Những kỹ năng này là một phần trong yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp mà “chuẩn đầu ra” của Nhà trường đặt ra. Nhưng dạy và học Giải tích như thế nào để đáp ứng chuẩn đầu ra chưa được quan tâm đúng mức.

Kết quả học tập các môn Toán cao cấp nói chung và Giải tích nói riêng của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Nha trang khá thấp và trong những năm gần đây có

xu hướng giảm. Có nhiều nguyên nhân từ phía sinh viên, từ phía giảng viên, chương trình đào tạo, nội dung môn học,... dẫn đến kết quả học tập học phần Giải tích chưa cao, trong đó có một nguyên nhân chính đó là **sinh viên thiếu hứng thú trong học tập**. Nhiều sinh viên xem Giải tích là học phần lý thuyết, ít thấy ứng dụng thực tế nên cho rằng học Toán ở đại học khô và khó, chẳng mấy tác dụng gì, thậm chí cũng có ý kiến ví von là học Giải tích như “đốt tiền để sưởi”. Kết quả là nhiều sinh viên rất sợ môn Toán, xem như một cửa ải hành xác phải vượt qua nên học khá miễn cưỡng, đối phó, gượng ép, không hứng thú dẫn đến kết quả thấp là điều tất yếu.

Nhiều ý kiến đã lật lại vấn đề: Sinh viên mỗi ngành học nếu thấy được ứng dụng của Toán trong thực tế nói chung và ngành học của mình nói riêng thì sẽ thấy yêu thích, có hứng thú hơn trong học tập. Nhiều nhà khoa học đã tìm hiểu giải quyết vấn đề này như Cerventes (thế kỷ XVI) đã có những tài liệu vận dụng toán logic để giải quyết nhiều bài toán thực tế; Murray Bourne xây dựng trang web ứng dụng toán [www.intmath.com](http://www.intmath.com), và cuốn giáo trình Single variable calculus, 7<sup>th</sup> edition của James Stewart là một sự lựa chọn tốt. Trong khuôn khổ của báo cáo này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm hình thành và phát huy sự đam mê, hứng thú trong học tập, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo học phần Giải tích cho sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Nha Trang.

## **II. Một số giải pháp tạo hứng thú học tập cho học phần Toán giải tích.**

### **1. Về nội dung học phần.**

Nội dung học phần Giải tích cần được hiệu chỉnh phù hợp với trình độ nhận thức của người học và đặc thù đào tạo kỹ thuật trong trường Đại học Nha Trang.

**Nội dung môn học cần giảm bớt mức độ khó về tính toán, ít đưa ra các ví dụ đòi hỏi nhiều kỹ thuật tính toán, thuật toán phức tạp mang nặng kiến thức hàn lâm mà tập trung chủ yếu vào một số dạng cơ bản, tính toán đơn giản, có ý nghĩa trong thực tiễn, có sự liên hệ giữa kiến thức cũ và mới để sinh viên có thể tư duy, tìm tòi, tránh gây ra cảm giác buồn chán, mệt mỏi khi học.**

Nội dung học phần phải gắn với thực tiễn, gắn với ngành nghề đang đào tạo trong trường là yếu tố quan trọng để sinh viên thấy sự cần thiết khi học học phần này. Từ đó xác định rõ động cơ học tập, hình thành sự hứng thú, niềm say mê học tập để

giải quyết những bài toán thực tế hằng ngày diễn ra hoặc những bài toán thực tế gắn với ngành nghề mình được đào tạo.

## 2. Về phía giảng viên

Để hình thành và phát huy sự hứng thú học tập của sinh viên, người giảng viên phải tâm huyết, say mê và có trách nhiệm với công tác giảng dạy học phần vì chỉ khi mình yêu thích giảng dạy mới truyền được cảm hứng yêu thích say mê đó cho người học. Một giờ giảng mà giáo viên uể oải, dạy qua loa cho hết tiết thì không thể tạo cảm hứng cho người học, người học không thể say mê với học phần đó được.

Ngoài ra giảng viên cần nắm bắt diễn biến tâm lý sinh viên trong giờ học để điều chỉnh nhịp độ giảng bài, tạo tâm lý thoải mái, nhẹ nhàng trong giờ học.

Bên cạnh đó, cần chú trọng tới xây dựng mối quan hệ tương tác, gần gũi với sinh viên. Bởi khi cảm thấy thân thiện, gần gũi, tin tưởng vào giảng viên, sinh viên mới trao đổi, chia sẻ những suy nghĩ, những vướng mắc trong việc học, từ đó ta mới nắm bắt được tâm lý, giúp đỡ, khơi gợi được hứng thú học tập ở các em.

Tăng cường rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua việc dạy học phần Giải tích như trình bày các khái niệm thông qua các bài toán ứng dụng; tăng cường các ví dụ và bài tập theo hướng giải quyết các vấn đề cụ thể đặt ra; Tăng cường trang bị tri thức cho sinh viên dưới dạng quy trình 3 bước: mô hình hóa toán học, xử lý mô hình toán học và chuyển đổi kết quả để giải quyết các bài toán thực tiễn đơn giản.

Chú trọng đến việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá. Đánh giá thường xuyên, đa dạng về hình thức như gọi lên bảng, đánh giá thông qua bài tập ở nhà, bài tập tiểu luận,... Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên giúp phát hiện những vấn đề sinh viên còn yếu, những vấn đề sinh viên làm tốt để kịp thời điều chỉnh, động viên, khuyến khích sinh viên. Việc đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai trong đánh giá để sinh viên thấy được trách nhiệm, thái độ học tập của bản thân ảnh hưởng đến kết quả học tập như thế nào. Từ đó họ mới chủ động, tích cực xây dựng động cơ, thái độ, phương pháp, mục tiêu học tập phù hợp.

## 3. Về phía sinh viên

Để hình thành hứng thú học tập học phần Giải tích, bản thân sinh viên cũng phải chủ động tìm hiểu mục đích của học phần, xây dựng được động cơ học tập và học

tập với một thái độ tích cực chủ động, với tinh thần trách nhiệm cao. Sinh viên đặt ra các mục tiêu học tập để lên kế hoạch học tập và thực hiện kế hoạch đó với thái độ nghiêm túc; chủ động học hỏi từ bạn bè và thầy cô; chủ động tìm hiểu các ứng dụng của học phần trong thực tiễn và ngành nghề mình sẽ được đào tạo qua báo chí, tài liệu tham khảo, internet,... để hiểu về vai trò của học phần từ đó thêm yêu thích học phần và nỗ lực đạt kết quả cao.

#### **4. Về phía quản lý**

Về phía Bộ môn: Phân công ít nhất 2 giảng dạy chuyên tham gia giảng dạy học phần liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Khuyến khích giảng viên chủ động, tích cực nghiên cứu, phối hợp với các bộ môn cơ sở, chuyên ngành để tìm hiểu ứng dụng của học phần Giải tích với chuyên ngành đào tạo, từ đó xây dựng phần minh họa cho bài giảng mình tham gia giảng dạy thêm sinh động hơn. Cập nhật lại bài giảng theo các giáo trình nước ngoài mang tính ứng dụng kỹ thuật (như một số trường trong nước đã mua chương trình đào tạo của nước ngoài được người học chấp nhận: Đại học Duy Tân, Đại học Văn Lang, Đại học Công nghệ,...). Xây dựng một ngân hàng các bài toán ứng dụng từ nhiều nguồn, từ đó lọc ra những bài toán chung, rồi các bài toán riêng biệt cho từng ngành như kinh tế, kỹ thuật,... Cuối mỗi học kỳ, tổ chức ôn tập cho sinh viên nhằm giúp giải đáp một số vấn đề mà sinh viên chưa nắm bắt kịp.

Phòng Công tác Sinh viên, thông qua giáo viên cố vấn tổ chức thành lập các nhóm học tập, để các sinh viên có thể hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong học tập.

Phòng Đào tạo xếp lịch học cho sinh viên năm thứ nhất theo nhóm ngành để trong quá trình giảng dạy giảng viên có thể thuận lợi trong triển khai minh họa phần ứng dụng theo từng nhóm ngành.

Việc gắn kết ứng dụng Toán vào thực tiễn vấp phải những rào cản như giáo trình, bài giảng Toán ứng dụng tại Việt Nam còn rất ít, bên cạnh đó rào cản lớn nhất là tư duy bảo thủ, ngại cập nhật, ngại thay đổi của giảng viên. Để phá vỡ các rào cản đó cần có lộ trình thích hợp. Nhà trường cần có chế độ khuyến khích giảng viên tham gia các hoạt động giảng dạy và biên soạn giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo.

### **III. Kết luận.**

Một nguyên tắc marketing cần học tập là ”phải làm ra sản phẩm mà Xã hội cần, đừng bắt Xã hội mua sản phẩm mà mình có”. Việc dạy và học học phần Giải tích cũng

như các học phần trong khối giáo dục Đại cương khác, phải có sự liên kết, ứng dụng vào thực tế và các chuyên ngành khác chứ không nên cứ lý thuyết nhằm khuyến khích sự chủ động, sự hứng thú trong việc học của sinh viên, từ đó nâng cao kết quả học tập nói riêng và chất lượng giảng dạy sinh viên năm thứ nhất nói chung. Tuy nhiên, việc thực hiện phải có lộ trình, từ mục tiêu chung nhất đặt ra, đến việc lựa chọn kiến thức cho mỗi chuyên ngành riêng biệt.

### **Tài liệu tham khảo.**

[1]. Bourne Murray: [www.intmath.com](http://www.intmath.com).

[2]. Mai Thị Ngọc Hà, *Dạy học môn Toán cao cấp theo hướng tạo hứng thú học tập cho sinh viên Đại học Thái nguyên*, 2015, tạp chí KH&CN, Đại học Thái nguyên.

[3]. Trần Văn Hoan, *Một số phương pháp rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua dạy học Toán cao cấp cho sinh viên khối kinh tế*, 2016, tạp chí KH&GD, Đại học Huế.

[4]. GS. Nguyễn Tiến Dũng, *Một số điều nên và không nên trong giảng dạy toán*, Toulouse, 30/7/2012.

# ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

*TS. Tô Văn Phương*

*Phòng Đào tạo*

## I. MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, chương trình giáo dục đại cương đã và đang được Nhà trường quan tâm đặt khối kiến thức này vào đúng vị trí, tầm quan trọng của nó. Năm 2016, trong đợt rà soát cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học toàn trường, Chương trình giáo dục đại cương (CT GDĐC) được Hiệu trưởng ban hành vào tháng 6/2016 (QĐ 439/QĐ-ĐHNT, ngày 10/6/2016). Trong quá trình xây dựng, ban hành và áp dụng CT GDĐC đã thể hiện được những ưu, nhược điểm nhất định. Bài viết trình bày quan điểm xây dựng giáo dục đại cương nói chung ở các trường ĐH trong và ngoài nước, CT GDĐC của trường ta nói riêng, đánh giá thực trạng triển khai và phát triển để từ đó đề xuất giải pháp giúp thực hiện tốt hơn CT GDĐC.

## II. NỘI DUNG

### II.1. Quan điểm về phát triển chương trình giáo dục đại cương

Chương trình Giáo dục đại cương, có thể hiểu là CT giáo dục tổng quát, là một bộ phận cấu thành của giáo dục khai phóng đã và đang được các trường ĐH Việt Nam áp dụng. Ở Trường Đại học Hoa Sen: Chương trình giáo dục tổng quát (CTGDTQ - General Education Program) là một chương trình giáo dục dành cho sinh viên toàn trường bao gồm các môn Lý luận chính trị, Phương pháp – kỹ năng, Kiến thức tổng quát và Giáo dục thể chất.

Chương trình nhằm xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để người học có cơ sở tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo, đồng thời cũng nhằm cung cấp sự hiểu biết cơ bản về rèn luyện và bảo vệ sức khỏe cho sinh viên. Nội dung các môn học góp phần giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ phát triển toàn diện cả về ĐỨC – TRÍ – THỂ - MỸ, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế hiện nay. Quan điểm này khá tương đồng với triết lý giáo dục của Trường ĐH KHXHNV – ĐHQG HCM.



Giáo dục khai phóng là giáo dục nhằm tạo ra con người tự do. Nó dựa trên khái niệm các môn khai phóng trong thời Trung cổ, hay gần hơn là chủ nghĩa tự do trong thời Khai minh. Trong khi đó, Hiệp hội các Trường và Viện Đại học Hoa Kỳ (Association of American Colleges and Universities) mô tả giáo dục khai phóng là *"một triết lý giáo dục cung cấp cho các cá nhân một nền tảng kiến thức rộng và những kỹ năng có thể chuyển đổi được, và một cảm nhận mạnh mẽ về các giá trị, đạo đức, và sự can dự vào đời sống công dân..."*. Phạm vi của giáo dục khai phóng thường mang tính đa nguyên và toàn cầu; nó có thể bao gồm một chương trình học giáo dục tổng quát cung cấp cơ hội tiếp cận nhiều lĩnh vực học thuật và nhiều chiến lược học tập, bên cạnh chương trình học chuyên sâu trong ít nhất một lĩnh vực học thuật nào đó.

Giáo dục khai phóng thế kỷ 21 là giúp cho các cá nhân có thể đối phó các vấn đề phức tạp, đa dạng và sự thay đổi không ngừng. Nó cung cấp cho người học kiến thức rộng về khoa học, văn hóa, xã hội cũng như nghiên cứu sâu vào một lĩnh vực ngành cụ thể.

Triết lý khai phóng sẽ giúp mỗi sinh viên được phát huy cao độ năng lực cá nhân bằng cách trang bị kiến thức toàn diện, năng lực thích ứng linh hoạt để có thể làm việc trong bất cứ môi trường nào, có nền tảng đạo đức tốt, sống nhân bản và trách nhiệm xã hội.

Một mô hình đơn cử ở ĐH Rice, Mỹ: Sinh viên học theo Mô hình giáo dục Khai phóng sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở các lĩnh vực khác nhau như: Marketing, Kinh doanh, Truyền thông, Thiết kế đồ họa, Phân tích số liệu, Quản lý, Lập trình máy tính và Công nghệ thông tin. Chương trình học được thiết kế tập trung vào kết nối của nhiều môn học thuộc nhiều lĩnh vực như Sinh học, Vật lý, Khoa học xã hội, Nhân văn và có khả năng tự học.

Một số thuộc tính đặc trưng của giáo dục khai phóng, cụ thể như:

- **Chuẩn bị nền tảng vững mạnh cho công việc tương lai:** người học sẽ đạt được kiến thức nền tảng vững chắc trong một phạm vi rộng lớn hơn là chỉ riêng về chuyên ngành của bạn.
- **Làm quen bước đầu về lựa chọn nghề nghiệp:** mục đích của môn học này trong chương trình đại học giáo dục khai phóng có nghĩa là sinh viên có thể

được giới thiệu cho các vấn đề họ có thể gặp phải, cho phép họ đưa ra quyết định chính xác hơn khi lựa chọn con đường sự nghiệp mà họ ưa thích.

- **Bước đệm cho một sự nghiệp mới:** các kiến thức đạt được trong một nền giáo dục khai phóng có thể giúp bạn thích nghi với mọi môi trường làm việc.
- **Xuất thân từ nền giáo dục khai phóng hấp dẫn các nhà tuyển dụng:** trong khảo sát các CEO tại Mỹ gần đây, 74% cho biết họ sẽ giới thiệu một nền giáo dục khai phóng cho sinh viên. Các nhà tuyển dụng nhận ra rằng sinh viên tốt nghiệp trường sử dụng mô hình giáo dục khai phóng có các kỹ năng thay đổi linh hoạt cần thiết để thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.
- **Cung cấp một nền tảng cho các nghiên cứu sau đại học:** một sinh viên tốt nghiệp từ nền giáo dục khai phóng sẽ có khả năng học hỏi lĩnh vực nghiên cứu đa dạng, với những kiến thức nền tảng để đi thẳng vào học sau đại học tại bất kỳ chuyên ngành nào mà họ lựa chọn.
- **Cung cấp các kỹ năng để trở thành một công dân có ích:** một nền giáo dục khai phóng vượt ra ngoài trường học là nơi cung cấp cho sinh viên tốt nghiệp những phẩm chất cần thiết có thể giúp họ thích ứng và phát triển mạnh trên thế giới, dạy cho họ giao tiếp và thấu hiểu nhiều quan điểm rộng mở trong xã hội.

Đối với trường ĐHNT, nhằm từng bước tiếp cận đến phát triển con người toàn diện, Nhà trường đã thành lập HĐ phát triển CT giáo dục đại cương, HĐ tham khảo các chương trình cũng như cách thức xây dựng CT ở các trường trong nước và trên thế giới để xây dựng CT GDĐC áp dụng chung cho toàn trường phù hợp với từng nhóm lĩnh vực/ngành cụ thể, với mục tiêu: trang bị cho người học những kiến thức nền tảng, tổng quát và các kỹ năng, thái độ cần thiết để thích ứng với sự phát triển không ngừng của tri thức và xã hội, đồng thời tiếp tục giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp.

Như vậy, mục tiêu đầu tiên của CT GDĐC là giúp SV thích ứng với sự phát triển không ngừng của xã hội. Mục tiêu thứ 2 là giúp SV chuyển tiếp (có tính kế thừa) vào giai đoạn giáo dục chuyên sâu một ngành nghề cụ thể của mình.

## II.2. Các cách tiếp cận để xây dựng chương trình giáo dục

### 1. Cách tiếp cận theo nội dung (the content approach)

Là giáo dục chỉ được coi là “quá trình truyền thụ kiến thức”, đây là cách tiếp cận ở giai đoạn đầu của giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Do vậy điều

quan trọng nhất là khối kiến thức cần truyền thụ và chương trình giáo dục chỉ là phác thảo nội dung khối kiến thức cần dạy- học. Hệ quả là người dạy cũng chỉ cần tìm các phương pháp phù hợp để truyền đạt khối kiến thức đó một cách tốt nhất, vô hình chung đẩy người học vào thế thụ động trong tiếp thu. Tuy nhiên, chúng ta sống trong thời đại bùng nổ thông tin với những tiến bộ khoa học và công nghệ. Cứ 5-7 năm khối lượng thông tin toàn cầu lại tăng gấp đôi. Và nền giáo dục chỉ đơn thuần là quá trình “truyền thụ kiến thức” với thời gian đào tạo chính khóa gần như cố định (thậm chí còn giảm đi), thì người dạy- người học không đủ khả năng để truyền thụ cũng như tiếp thu khối kiến thức khổng lồ do thông tin mang lại. Hơn nữa, cho dù có được kiến thức tối đa thì nó cũng nhanh chóng bị lạc hậu.

Mặc dù hiện nay các trường đại học trên thế giới hầu như không sử dụng cách tiếp cận này trong thiết kế chương trình, ở Việt Nam cách thiết kế chương trình đào tạo bậc đại học theo quan điểm nội dung vẫn là chủ đạo. Các giảng viên Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn trong việc thiết kế chương trình đào tạo trong bối cảnh thời gian đào tạo bị rút ngắn (còn 4 năm), trong khi khối lượng kiến thức cho mỗi môn học tăng quá nhanh, kể cả các kiến thức liên ngành. Còn các nhà quản lý giáo dục khi đánh giá chương trình giáo dục cũng chỉ dừng lại ở một số như: tính cập nhật của nội dung kiến thức, tính khả thi, tính logic và tính sư phạm.

## 2. Cách tiếp cận theo mục tiêu (The objective approach)

Cách tiếp cận theo mục tiêu, hay nói đầy đủ hơn là cách tiếp cận theo mục tiêu đào tạo, có cơ sở là mục tiêu đào tạo được xây dựng một cách chi tiết, bao gồm cả nội dung kiến thức, kỹ năng cần rèn luyện cho người học, phương pháp đào tạo, nguồn học liệu, cũng như phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập (đối chiếu với mục tiêu đào tạo). Mục tiêu đào tạo ở đây cũng là mục tiêu đầu ra của quy trình đào tạo thể hiện qua những thay đổi về hành vi người học từ lúc vào trường tới lúc ra trường và tham gia vào thị trường lao động.

Theo cách tiếp cận này, nội dung, kiến thức, kỹ năng vẫn được coi trọng, song chỉ là những loại kiến thức, kỹ năng nhằm giúp đạt tới hệ mục tiêu đào tạo đã được xác định từ trước. Theo cách tiếp cận này, dựa trên mục tiêu đào tạo đã được xác định một cách chi tiết, cụ thể (để có thể là chuẩn để vươn tới và đo lường đánh giá được), người thiết kế chương trình chọn nội dung kiến thức, kỹ năng cần đào tạo, phương

pháp đào tạo (dạy - học), cũng như hình thức kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo phù hợp.

### 3. Cách tiếp cận phát triển ( The development approach) - cách tiếp cận quá trình

Theo cách tiếp cận này chương trình giáo dục được xem là quá trình, còn giáo dục là sự phát triển (Kelly).

Giáo dục là sự phát triển với nghĩa là phát triển con người, phát triển mọi tiềm năng, kinh nghiệm để có thể làm chủ được bản thân, đương đầu với thử thách một cách chủ động, sáng tạo. Chương trình giáo dục là một quá trình tiếp diễn liên tục suốt đời, do vậy mục đích cuối cùng không phải là thuộc tính của nó. Cách tiếp cận này chú trọng đến sự phát triển khả năng hiểu biết, tiếp thu ở người học hơn là truyền thụ nội dung kiến thức đã được xác định từ trước.

Theo Kelly, theo cách tiếp cận này giáo dục là quá trình mà nhờ đó mức độ làm chủ bản thân, làm chủ vận mệnh tiềm ẩn ở mỗi người được phát triển một cách tối đa. Như vậy, trong bối cảnh thay đổi không ngừng về kinh tế - xã hội, KHCN, thì việc phát triển CTĐT cũng có những thay đổi to lớn trong quan điểm tiếp cận. Thực tế chứng minh, tiếp cận theo mục tiêu hoặc phát triển nên được sử dụng trong phát triển chương trình đào tạo, hơn là tiếp cận theo nội dung. Tuy vậy, thông thường trong một CTĐT, bên cạnh cách tiếp cận chủ đạo, có thể nhận ra những khía cạnh của tiếp cận khác.

### II.3. Thực trạng triển khai chương trình giáo dục đại cương

Xuất phát từ nhận thức về cách tiếp cận xây dựng chương trình, trong bối cảnh thay đổi không ngừng về kinh tế - xã hội, KHCN, thì việc phát triển CTĐT cũng có những thay đổi to lớn trong quan điểm tiếp cận. Thông thường, trong một CTĐT, bên cạnh cách tiếp cận chủ đạo, có thể nhận ra những khía cạnh của tiếp cận khác. Giáo dục lúc này không chỉ là quá trình truyền thụ kiến thức, không chỉ là việc rèn luyện người học theo những mục tiêu xác định, giáo dục còn là quá trình phát triển con người, giúp con người phát huy tối đa kinh nghiệm, tiềm năng sẵn có của bản thân để họ tự hoàn thiện, tự khẳng định mình và sẵn sàng thích nghi với cuộc sống luôn biến động và thế giới việc làm đa dạng muôn màu. Vì lẽ đó, CT GDĐC của Trường ĐHNT, giống như CT giáo dục tổng quát của các trường ĐH khác, với chuẩn đầu ra:

i) Về phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe: bên cạnh các kiến thức về chính trị, thể dục, quốc phòng; SV có thể hiểu và áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, toán và khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc ngành đào tạo.

ii) SV sẽ có kỹ năng mềm và đặc biệt kỹ năng ngoại ngữ và CNTT đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

Chương trình giáo dục đại cương áp dụng chung cho toàn trường, đáp ứng được mục tiêu đào tạo của CTĐT chung, nhưng theo từng lĩnh vực, tạo thể thống nhất nhưng vẫn linh động, tăng tính liên thông ngang – dọc, tạo thuận lợi cho SV khi chuyển đổi ngành nghề (cơ hội bảo lưu cao).

CT GDĐC được chia thành 4 nhóm lĩnh vực để phù hợp trong đào tạo.

1. Nhóm ngành I: Kinh doanh và quản lý (8 ngành)
2. Nhóm ngành II: Ngôn ngữ Anh
3. Nhóm ngành III: Kỹ thuật và Công nghệ kỹ thuật (10 ngành)
4. Nhóm ngành IV: Sản xuất - chế biến và Thủy sản (11 ngành)

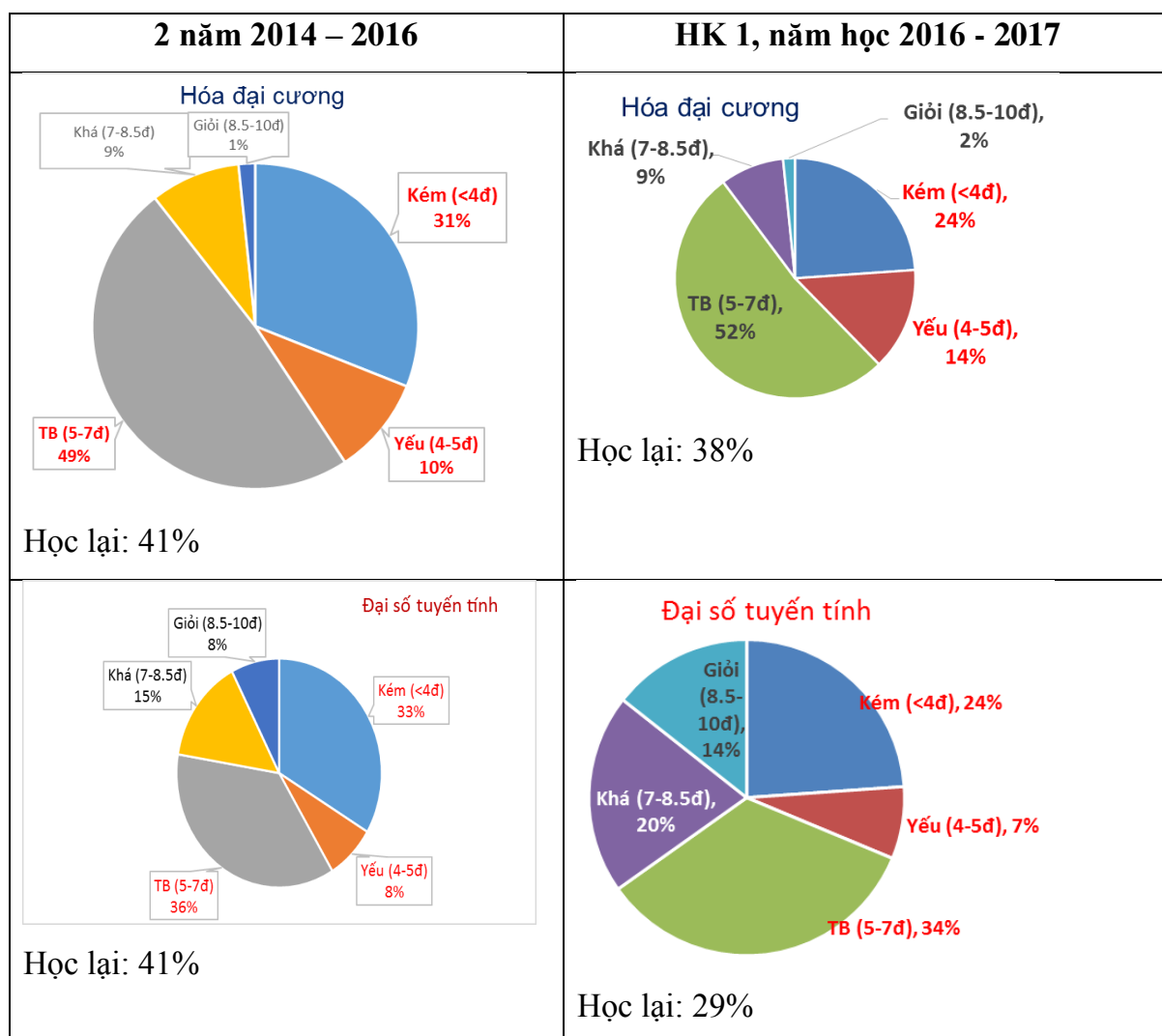
CT GDĐC gồm có các khối kiến thức: Khoa học xã hội và nhân văn; Toán, khoa học tự nhiên và môi trường; ngoại ngữ; giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh - dao động từ 46 – 60 tín chỉ (Nhóm ngành II có 46 tín chỉ). Tùy tính chất và yêu cầu của HP, các HP trong CT GDĐC có thể được bố trí từ học kỳ 1 đến học kỳ 7 của khóa học, tương tự các HP thuộc GD Chuyên nghiệp có thể được bố trí ngay từ học kỳ đầu tiên.

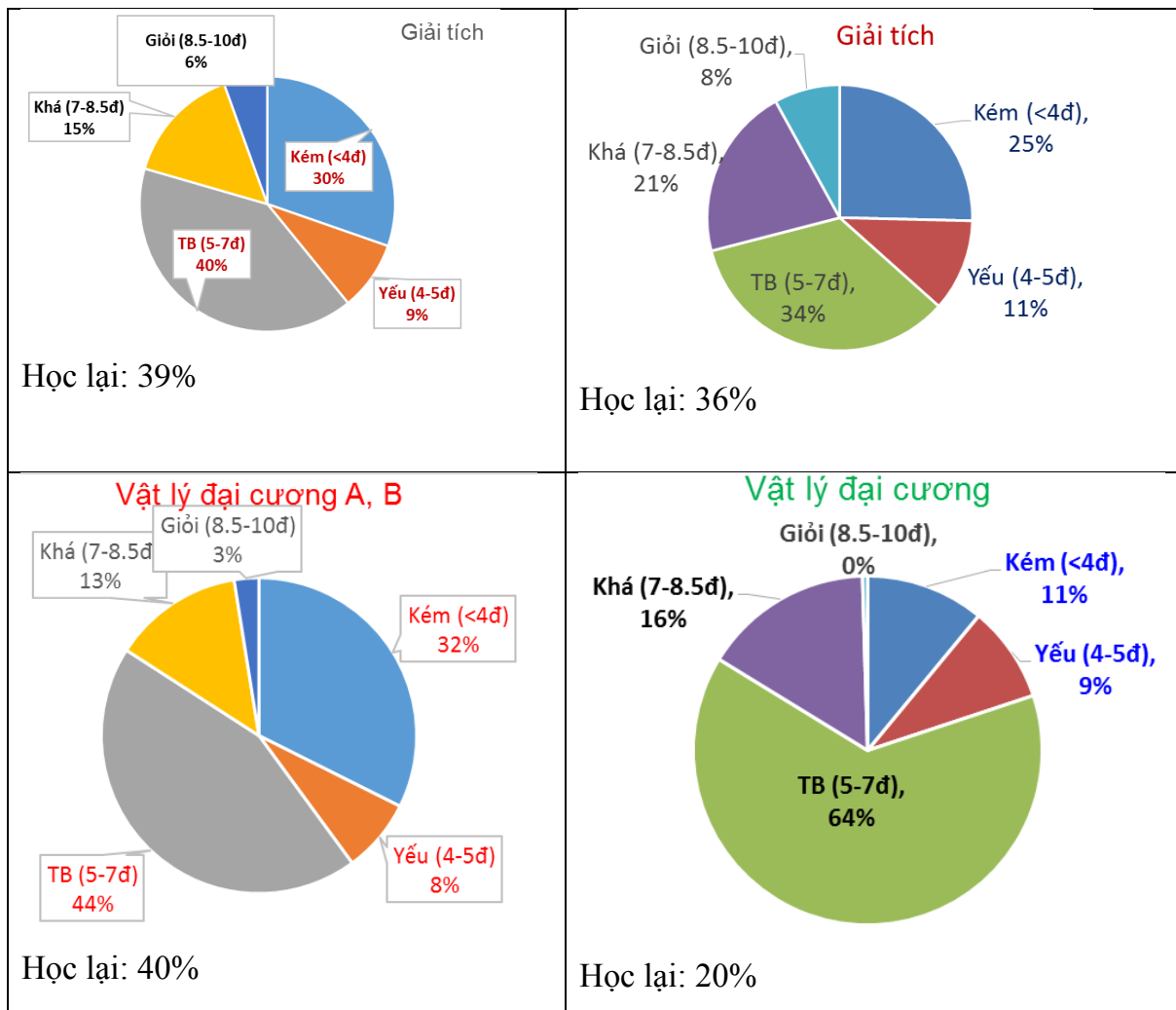
Một thực tế trong việc xây dựng CTĐT, một số Hội đồng cập nhật thường là chuyên gia, nhà giáo có kinh nghiệm tham gia vào việc xây dựng CT ngành đào tạo, dẫn đến khó tránh khỏi yếu tố chủ quan ngành nghề mình, bị chi phối bởi ý nghĩ và mong muốn CT GDĐC phục vụ tốt nhất cho ngành nghề mình, tốt cho kiến thức cơ sở phục vụ chuyên ngành đào tạo. Một số Hội đồng đã đưa vào các HP mới (chưa được HĐ GDĐC thông qua) bên cạnh các HP theo quy định, hoặc có sự điều chỉnh về thời lượng. Điều này ảnh hưởng đến khả năng liên thông và tổ chức đào tạo. Một số ngành có thể kể ra đây: Khoa học hàng hải, CNKT Xây dựng, CNKT Nhiệt, CN Chế tạo máy, CNKT Cơ khí. Tuy vậy, việc đề xuất các HP là cần thiết, HĐ PT CTGDĐC cần

có cơ chế khuyến khích các HĐ bổ sung nhiều hơn nữa các HP mới, vừa mang tính đại cương vừa hỗ trợ tốt cho đào tạo cơ sở ngành và ngành.

Cần nhấn mạnh rằng, giáo dục đại cương là phục vụ cho ngành đào tạo, nhưng còn hơn thế nữa GDĐC giúp hình thành và phát triển nhân cách, thích ứng đặc biệt trong bối cảnh xã hội luôn biến động thì tiếp cận theo nội dung sẽ khó đạt được hiệu quả. Cần thiết tiếp cận theo xu hướng phát triển/mục tiêu, giúp phát triển toàn diện người học....

Trong những năm qua, SV năm đầu học các HP thuộc khối giáo dục đại cương, đặc biệt là HP thuộc BM Toán, Vật lý, Hóa học thường có kết quả thấp. Trong năm học 2016 – 2017, Nhà trường đã thực hiện một số giải pháp hỗ trợ để cải thiện kết quả học tập, bao gồm cả nội dung đề cương học phần, các hoạt động hỗ trợ SV và GV, cải tiến cách thức kiểm tra, đánh giá và công tác tổ chức quản lý giảng dạy. Kết quả cho thấy có sự cải thiện đáng kể, cụ thể như sau:





Bên cạnh đó, qua phân tích kết quả các HP thuộc BM Toán trong học kỳ 1, năm học 2016 - 2017 đối với 2 nhóm lĩnh vực: Kinh tế và Công nghệ, kỹ thuật cho thấy:

Tên Học phần	Tổng SV	Kém (<4đ)	Yếu (4-5đ)	TB (5-7đ)	Khá (7-8.5đ)	Giỏi (8.5-10đ)
<b>Đại số tuyến tính</b>	1.902	24%	7%	33%	21%	15%
Nhóm ngành Kinh tế	610	14%	5%	34%	25%	23%
Nhóm ngành Kỹ thuật - Thủy sản	1.292	28%	8%	33%	20%	11%
<b>Giải tích</b>	1.050	25%	12%	34%	22%	8%
Nhóm ngành Kinh tế	196	17%	9%	35%	30%	9%
Nhóm ngành Kỹ thuật - Thủy sản	854	27%	12%	34%	20%	8%
<b>Lý thuyết xác suất thống kê</b>	250	24%	7%	44%	19%	6%
Nhóm ngành Kinh tế	249	24%	6%	45%	19%	6%
Nhóm ngành Kỹ thuật - Thủy sản	1		100%			

Từ bảng trên thấy rằng: nhóm ngành kinh tế có tỷ lệ SV có kết quả yếu kém thấp hơn nhóm ngành kỹ thuật. Một nguyên nhân có thể là do điểm đầu vào của SV ngành Kinh tế cao hơn.

Nhu cầu về kiến thức giáo dục đại cương rất lớn cho từng ngành, nhóm ngành để phục vụ vào cơ sở ngành. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy GDĐC thường tập trung ở kiến thức nền tảng, khái quát nên chưa được như kỳ vọng của các ngành đào tạo.

#### II.4. Giải pháp, đề xuất cách thức thực hiện

Để tổ chức đào tạo hiệu quả CT GDĐC thì nhận thức của các bên liên quan (cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên...) về CT này là rất quan trọng. HĐ CTGDĐC cần bám sát vào chức năng và nhiệm vụ của mình để tổ chức cập nhật, phát triển CT đáp ứng yêu cầu trình độ đào tạo đại học. Một số giải pháp cụ thể sau:

1. Thực hiện tốt công tác truyền thông để các Khoa/viện, Hội đồng xây dựng CT hiểu rõ được tầm quan trọng của CT GDĐC/Giáo dục tổng quát – một bộ phận cấu thành của giáo dục khai phóng. Trong thời đại ngày nay, sự phát triển không ngừng của tri thức và xã hội, một thế giới việc làm luôn biến động thì rất cần có các học phần trang bị kiến thức, kỹ năng giúp SV phát huy được tiềm năng của mình, khả năng sinh tồn và thích ứng với xã hội nhiều thay đổi. Bên cạnh đó, các học phần có tính chất công cụ/phương tiện phục vụ ngành như Nhập môn ngành, Toán chuyên ngành, Tin học chuyên ngành, Ngoại ngữ chuyên ngành, Phương pháp nghiên cứu khoa học... được bố trí vào khối kiến thức chuyên nghiệp, tiếp nối các học phần cơ sở trong chương trình giáo dục đại cương.

2. Rà soát cập nhật CT GDĐC phù hợp theo khung trình độ quốc gia và chủ trương của Bộ, trong đó tập trung vào kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. HP khởi nghiệp và khơi nguồn sáng tạo nên được đưa vào chương trình đào tạo ở hình thức nào đó (chính khóa hay ngoại khóa...)

3. Hàng năm, bộ môn, khoa/viện có thể đề xuất đến Hội đồng Phát triển giáo dục đại cương việc bổ sung học phần tự chọn mới, điều chỉnh/cập nhật học phần đã có. Sau một quá trình đào tạo (1 chu kỳ) nếu học phần không đáp ứng được yêu cầu hoặc không có nhiều sinh viên lựa chọn sẽ được xem xét để tổ chức hoàn thiện hoặc đưa ra khỏi chương trình giáo dục đại cương.

4. Các học phần Toán và khoa học tự nhiên (Vật lý đại cương, Hóa học đại cương) cần có lộ trình bổ sung, hoàn thiện theo hướng đáp ứng yêu cầu chuyên môn đặc thù của mỗi nhóm ngành, tiến đến hình thành các học phần Toán và Khoa học tự nhiên theo nhóm ngành.



5. Tăng cường và đa dạng hóa hình thức dạy và học thông qua hoạt động Đoàn, Hội; Câu lạc bộ chuyên ngành, ngoại ngữ; Thường xuyên tổ chức các kỳ thi Olympic cho SV. Lựa chọn SV có kết quả tốt làm trợ giảng, hoặc thành lập CLB/nhóm học tập học phần đại cương.

6. Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, đặc biệt là các học phần có thực hành, thí nghiệm; khu tự học, hệ thống internet...

### **III. Kết luận**

Nhìn chung, Trường Đại học Nha Trang đang hình thành và phát triển tư duy đổi mới trong phát triển chương trình đào tạo nói chung và khối kiến thức giáo dục đại cương nói riêng, hướng đến chương trình giáo dục tổng quát, nền giáo dục khai phóng. Trong thời đại ngày nay, tiếp cận xây dựng CTĐT theo hướng phát triển và/hoặc mục tiêu được xem là khả thi. Các HP thuộc BM Toán, Vật lý, Hóa học có xu hướng giảm tỷ lệ SV yếu kém là kết quả đáng khích lệ trong đào tạo các học phần thuộc khối kiến thức đại cương thời gian qua. Cần thực hiện mạnh mẽ hơn nữa các giải pháp đề xuất để tổ chức đào tạo chương trình giáo dục đại cương hiệu quả hơn.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Đức Chinh. 2008. Thiết kế và đánh giá chương trình giáo dục. ĐH Quốc gia Hà Nội.
2. <http://www.aacu.org/leap/what-is-a-liberal-education>
3. <http://www.hoasen.edu.vn/vi/15170/ve-hoa-sen/chuong-trinh-giao-duc-tong-quat>
4. <http://duhoctoancau.com/mo-hinh-giao-duc-khai-phong-tai-my-huong-di-moi-cho-nen-giao-duc-hien-dai-12019/>
5. Chương trình giáo dục đại cương và các văn bản khác của Trường Đại học Nha Trang

# MỘT VÀI ĐỀ XUẤT NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

*ThS. Nguyễn Thủy Đoan Trang*

*Bộ môn Hệ thống Thông tin - Khoa Công nghệ Thông tin*

## **Tóm tắt:**

Bài viết nhằm đề xuất một vài ý kiến nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo các học phần giáo dục đại cương về nội dung đào tạo, trình tự đào tạo, phương pháp giảng dạy, phương tiện hỗ trợ giảng dạy và đánh giá SV.

Từ khóa: chất lượng đào tạo, giáo dục đại cương, phương pháp giảng dạy, phương tiện hỗ trợ.

## **I. Đặt vấn đề**

Cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang diễn ra trên toàn cầu đã thay đổi cơ bản phương thức con người sống, làm việc và quan hệ với nhau, mang lại cho con người những thành tựu và thách thức lớn lao. Trong bối cảnh này, nhà giáo dục phải làm thế nào để nâng cao chất lượng đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao giúp sinh viên (SV) có khả năng làm việc trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Với tư cách là một giảng viên (GV), trong bài viết này, theo quan điểm cá nhân, tôi xin đề xuất một vài ý kiến mong góp phần nâng cao chất lượng học tập các học phần giáo dục đại cương.

## **II. Tổng quan**

Trước thực trạng nhiều SV cho rằng những môn học đại cương như áp lực đè nặng trên vai [12], nhiều SV thờ ơ với giáo dục đại cương, đề xuất bỏ bớt những môn học không cần thiết để tập trung thời gian cho chuyên ngành [7]. Theo quan điểm cá nhân, có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này. Thứ nhất, do SV chưa ý thức được tầm quan trọng của các môn học đại cương, chưa ý thức được trong thời đại công nghiệp 4.0 này, theo lời của ông Hoàng Minh Sơn, Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội thì SV cần trang bị kiến thức nền tảng để có thể thích ứng với nhiều công việc khác nhau chứ không phải đào tạo chuyên sâu như trước đây [4]. Điều đó có nghĩa rằng, trước một tương lai về thế giới việc làm đầy biến động thì các môn đại cương càng quan trọng. Thứ hai, SV mới vào đại học, còn bỡ ngỡ với môi trường đại

học, phương pháp học đại học, chưa có kỹ năng tự học, kỹ năng đọc sách, kỹ năng ghi chép... Thứ ba, một SV tâm sự “Ngày đầu chân ướt chân ráo bước vào trường đại học, tôi cứ tưởng tượng con đường trước mắt mở ra sẽ to lớn và tươi đẹp vô cùng. Thế nhưng, gần hai năm đầu chúng tôi chỉ học toàn các môn học đại cương. Biết rằng, kiến thức đại cương giúp cho sinh viên có nền tảng về mặt lý luận. Nhưng sinh viên mới học hết chương trình phổ thông, đang khao khát được học ngay những môn chuyên ngành mà mình thích, để được thể hiện mình, được gần với nghề. Nhưng thực tế là phải dành gần hai năm cho các môn học đại cương!”[12]. Một lý do quan trọng khác, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này đã làm thay đổi cách sống và làm việc của con người, mọi người có thể dễ dàng tiếp nhận thông tin và học theo cách mà mình mong muốn. Vậy liệu SV có còn hứng thú khi ta vẫn dạy theo phương pháp truyền thống?

### **III. Nội dung trao đổi**

#### **1. Bổ sung học phần mang tính định hướng chung**

Qua thực tế giảng dạy và tiếp xúc SV trong thời gian qua, tôi nhận thấy cần phải bổ sung học phần mang tính định hướng chung cho SV ngay sau khi SV nhập học. Đó là học phần mang tính nhập môn, định hướng chung để truyền cho người học cảm hứng, khát khao học hỏi và hành động; nhiệt tình và say mê; sự tập trung trong học tập; tư duy sáng tạo và đổi mới; lòng yêu nghề và yêu nước, trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội; lòng tự tin và không ngừng cải thiện năng lực cá nhân; biết xác định các mục tiêu cuộc đời và nghề nghiệp với kế hoạch thực hiện rõ ràng, sẵn sàng và kiên trì để đạt được; khao khát thành công trong nghề nghiệp và tinh thần khởi nghiệp để vươn tới những đỉnh cao sau tốt nghiệp. Qua đó người học cảm thấy yêu thích thực sự ngành nghề mình để theo học, hình thành động cơ học tập đúng đắn, xây dựng cho mình mục tiêu và những mơ ước nghề nghiệp, có kế hoạch học tập và hành động. Được giới thiệu về lịch sử ngành nghề, chân dung những tấm gương tiêu biểu thành công trong nghề; những cơ hội, thách thức và sự chuẩn bị cần thiết cho một sự nghiệp thành công. Từ đó, thấp lên trong SV khát khao thành công, đam mê việc học.

Hơn nữa, tân SV mới bước vào ngưỡng cửa đại học, chưa quen với môi trường đại học, cách học, cách dạy mới, nếu không biết cách thích ứng với môi trường học tập ở Đại học, không được trang bị cách học, nhiều SV không theo kịp, dẫn đến kết quả học tập yếu kém rồi loay hoay chuyển trường, chuyển ngành, loay hoay với câu hỏi “đi

học hay không đi học”, lúng túng với cố gắng vượt qua bản thân mình... nhiều SV dần dần tụt lại phía sau, thậm chí là bỏ cuộc. Vì vậy, cần phải rèn luyện cho SV phương pháp học đại học, phương pháp đọc hiệu quả, kỹ năng tự học, kỹ năng ghi chép... ngay sau khi SV nhập học là vô cùng cần thiết. Ngoài ra, SV cũng cần được kịp thời tiêm “vắc-xin” để tránh những thói hư tật xấu mà lỡ nhiễm rồi thì rất khó bỏ; cần được chuẩn bị tâm thế để tránh tình trạng “sốc Đại học” như chia sẻ trong tài liệu [1]. Qua học phần mang tính định hướng này ta cũng có thể giáo dục cho SV nhận thức được tầm quan trọng của việc học các học phần đại cương ở đại học.

Vì vậy, thiết nghĩ cần phải bổ sung nội dung mang tính định hướng chung cho SV vào chương trình đại học. Ta có thể bổ sung theo cách là một học phần định hướng chung vào học kỳ phụ (không tính số tín chỉ) trước học kỳ đầu tiên như Đại học FPT đã thực hiện.

## **2. Trình tự nội dung đào tạo**

Hầu như các học phần đại cương đều được bố trí vào những học kỳ đầu. Điều này có vẻ hợp lý vì đây là những học phần được cho là tạo nền móng cho việc học chuyên ngành. Tuy nhiên, từ tình hình thực tế về kết quả đào tạo, theo quan điểm cá nhân, tôi cho rằng ngoại trừ các học phần có tính chất tiên quyết còn các học phần như các học phần về lý luận chính trị như Các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam nên được phân bố rải rác ở các học kỳ, thậm chí vào những học kỳ cuối. Hiện nay, trong chương trình đào tạo của đại học FPT “Các học phần lý luận chính trị tập trung vào giai đoạn 4, khi SV chuẩn bị ra trường”[6]. Cụ thể, trong chương trình đào tạo ngành An ninh Thông tin thì Triết học Chủ nghĩa Mác Lênin ở học kỳ 6, Đường lối cách mạng của ĐCSVN và Tư tưởng HCM vào học kỳ 7. Tôi nghĩ đây không phải là quyết định vô cơ của một ngôi trường đại học trẻ, mới thành lập chỉ khoảng 10 năm nay nhưng trong một thời gian ngắn đã nhận được nhiều giải thưởng, bằng khen về giáo dục trong đó có Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH-CN và mới đây nhất, ngày 13/2/2017, trường đã được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ nhờ những thành tích trong đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao [11].

Mặt khác, khi chuyển bớt một số học phần đại cương ra các học kỳ sau, ta có thể đưa các học phần cần thiết phải đào tạo sớm nhất có thể như Kỹ năng làm việc nhóm hay cho SV tiếp cận dần các môn liên quan đến chuyên ngành để các em khỏi

thất vọng vì không ít SV vào đại học với niềm cảm hứng tuyệt vời, đang hào hứng mong chờ kiến thức liên quan đến ngành nghề đã chọn lại phải học ngay các học phần không liên quan ngành nghề sẽ gây tâm lý chán nản. Hơn nữa, được đào tạo ở những học kỳ cuối, khi có ý thức và phương pháp học tập, tôi tin rằng kết quả đào tạo các học phần lý luận chính trị cũng sẽ tốt hơn.

### **3. Dạy học với sự hỗ trợ của công nghệ**

Phương thức đào tạo tín chỉ, thời gian lên lớp giảm nhiều trong khi kiến thức không giảm. Để truyền đạt kiến thức cho SV, GV có thể sử dụng video bài giảng, cung cấp trước cho SV học lý thuyết ở nhà để đến lớp SV đặt câu hỏi, thảo luận, thực hiện các hoạt động học tập cần mức độ tư duy cao... Đây chính là ý tưởng chính của mô hình lớp học đảo ngược flipped classroom – một mô hình dạy học đặc biệt phù hợp ở bậc đại học và nhanh chóng thu hút các nhà giáo dục ở Mỹ và một số quốc gia khác trong đó có Việt Nam. TS. Phạm Ly cũng nhận định: *“Trước đây học sinh học ở trường và về nhà để làm bài tập. Bây giờ ngược lại, kiến thức thầy giáo dạy, học trò sẽ học ở nhà theo hình thức trực tuyến. Học sinh đến lớp chỉ để học cái mà ở nhà họ không học được”* [4].

GV có thể tự xây dựng video bài giảng như bài giới thiệu ở [13] hay hướng dẫn cụ thể hơn ở [14]. Ngoài ra, GV có thể khai thác video bài giảng từ các nguồn học liệu mở (MOOC) như Khan Academy, Coursera, edX, GiapChool.vn... hoặc chọn lọc từ các bài nói chuyện của các Giáo sư, video trên các phương tiện thông tin đại chúng hay từ kho bài giảng E-learning của Bộ Giáo dục và Đào tạo [3]. Điều này hoàn toàn phù hợp theo tinh thần của công văn số 4983/BGDĐT-CNTT V/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT năm học 2015 – 2016: *“Khai thác các nguồn học liệu trực tuyến, đổi mới nội dung giảng dạy; Tổ chức khai thác và ứng dụng các nguồn học liệu MOOC (Massive Open Online Course) là các nguồn bài giảng trực tuyến, phổ biến đại chúng.”* Việc khai thác các nguồn học liệu mở từ các trường đại học nổi tiếng trên thế giới góp phần đáp ứng mục tiêu cung cấp các chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho SV. Một số trường đại học trên thế giới đã sử dụng video và bài tập tương tác trên Khan Academy để kết hợp trong giảng dạy với hình thức phương pháp học tập hỗn hợp (blended learning) hoặc lớp học đảo ngược (flipped classroom) [9]. Sử dụng video bài giảng để hỗ trợ cho SV tự học với mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom) [16] còn có thể giúp cá nhân hóa việc học.

Ngoài ra, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi xác định lại vai trò của người thầy, theo [10] người thầy phải gánh vác thêm vai trò mới là “*quản lý hành vi xã hội và tình cảm của SV, cố vấn thông thái cho trò học trở thành công dân phát triển cân đối toàn diện; biết truyền cảm động cơ học cho SV có tốc độ học nhanh chậm khác nhau trong môi trường số hóa*”. Vai trò GV đã và đang tiếp tục thay đổi từ địa vị người dạy sang người thiết kế, cố vấn, huấn luyện và tạo ra môi trường học tập. Môi trường học tập ở đây là cả “lớp học thật” và “lớp học ảo”. Với hệ quản lý đào tạo Moodle mà trường Đại học Nha Trang đã trang bị tại trang web elearning.ntu.edu.vn, GV có thể tạo “lớp học ảo” để hỗ trợ cho “lớp học thật” như: thông báo, cung cấp tài liệu, bài giảng, video minh họa lên cho SV tự học trước ở nhà, tạo diễn đàn để SV hỏi đáp, ra đề để kiểm tra việc tự học của SV, kiểm tra... Việc hệ thống tự động chấm điểm ngay sau SV nộp bài không những tạo động lực học tập cho SV mà còn giải phóng thời gian chấm bài cho GV, giúp GV có thời gian để thực hiện những vai trò mới trong kỷ nguyên kết nối. Đối với các trường chưa được đầu tư hệ thống quản lý học tập như Moodle thì có thể sử dụng giải pháp như ở [15].

### **III. Kết luận và đề xuất**

Trong bài viết này, tôi mong muốn chia sẻ một số hiểu biết của mình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo các học phần giáo dục đại cương. Đó là, bổ sung học phần mang tính chất định hướng vào chương trình đào tạo và đào tạo ngay sau khi SV nhập học, đưa các học phần lý luận chính trị ra các học kỳ cuối. Nhà trường trang bị wifi đủ mạnh để tạo điều kiện cho nhiều GV triển khai ứng dụng hệ thống quản lý học tập Moodle vào giảng dạy. GV tận dụng công nghệ để giảm bớt thời gian, dành thời gian cho những vai trò mà máy tính không thể làm được. Bước đầu nghiên cứu và triển khai sẽ mất nhiều thời gian và công sức, vì vậy mong nhà trường tạo cơ chế thỏa đáng để GV toàn tâm toàn lực đầu tư vào bài giảng cũng như khai thác, cập nhật tài liệu, nguồn học liệu mở đang phát triển với cấp số mũ như hiện nay. Phương pháp giảng dạy trong nhà trường cần phải được thay đổi cho phù hợp với thế giới ngày nay, để tận dụng các thành tựu công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả dạy học. Nhiều người còn ngại đổi mới, ngại áp dụng các phương pháp dạy học với sự hỗ trợ của công nghệ nhưng vấn đề hiện nay không phải là có nên áp dụng hay không nữa mà là áp dụng nó như thế nào. Theo như TS Vũ Thị Phương Anh thì “*chẳng có lý do gì để nhà trường không trang bị máy tính có nối mạng đến từng học sinh phổ thông ở mọi địa phương, ít ra là từ trung học*

*phổ thông nếu không phải là sớm hơn. Ngoài ra, cũng cần nhanh chóng áp dụng việc giảng dạy và học tập với sự hỗ trợ của công nghệ (ít ra là từ trung học phổ thông), chẳng hạn các hệ thống quản lý học tập trên Internet”.*

Để kết thúc bài viết của mình, tôi xin phép được trích một đoạn từ bài viết Giáo dục trong thời đại công nghiệp 4.0 của TS Vũ Thị Phương Anh trên số báo Nhân Dân Xuân Đinh Dậu 2017 [5]: *“Thời đại công nghiệp 4.0 đòi hỏi một nền giáo dục 4.0. Việc chuyển đổi từ một nền giáo dục chỉ phù hợp với một thế giới ít biến động như trước đây sang một nền giáo dục phù hợp với thời đại công nghiệp 4.0 là một điều không dễ dàng ngay cả với một đất nước tiên tiến như Đức. Tuy nhiên, không dễ không có nghĩa là chúng ta không làm. Bởi, có thể nhắc lại lời của Giáo sư Đê-rếch Bốc (Derek Bok) nguyên Hiệu trưởng Trường đại học Há-vơt (Harvard) khi nói về sự cần thiết của việc số hóa giáo dục, chúng ta hoàn toàn có thể nói với những ai còn ngần ngại với việc đổi mới: “Nếu bạn cho rằng giáo dục 4.0 là quá tốn kém, thì bạn cứ thử đứng ngoài xem hậu quả ra sao.”*

#### **Tài liệu tham khảo**

- [1] Phạm Ngọc Tuấn (chủ biên), 2015, Nhập môn về kỹ thuật, NXB Đại học Quốc gia TP HCM.
- [2] Bí quyết thành công SV, GS-TS Huỳnh Ngọc Phiên, TS Trương Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Bích Ngọc, NXB Tổng hợp TPHCM.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015, Thông tư 4983/BGDĐT-CNTT V/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT năm học 2015–2016.
- [4] *Những thách thức với giáo dục ở cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*, <http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Nhung-thach-thuc-voi-giao-duc-o-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-40-post171850.gd>
- [5] <http://nhandan.com.vn/xuan2017/item/31893602-giao-duc-trong-thoi-dai-cong-nghiep-4-0.html>
- [6] <http://fpt.edu.vn/wp-content/uploads/2015/10/khung-ctdt-dh-nganh-an-ninh-an-thong-tin.pdf>
- [7] Thờ ơ với môn học đại cương, <http://tuoitre.vn/tin/nhip-song-tre/20120929/tho-o-voi-mon-hoc-dai-cuong/513639.html>
- [8] <https://elearning.moet.edu.vn>

- [9] <https://www.khanacademy.org/resources/beyond-k-12#khanacademy-community-colleges>
- [10] <http://www.baomoi.com/cach-mang-cong-nghiep-4-0-doi-hoi-xac-dinh-lai-vai-tro-cua-nguoi-thay/c/20765928.epi>
- [11] <http://khoaocphattrien.vn/tin-tuc/dai-hoc-fpt-nhan-bang-khen-cua-thu-tuong-chinh-phu/20170213094151656p1c882.htm>
- [12] <http://laodong.com.vn/giao-duc/nhung-mon-dai-cuong-nhu-ap-luc-de-len-vai-175054.bld>
- [13] Nguyễn Thủy Đoan Trang, Xây dựng bài giảng điện tử E-Learning với Adobe Presenter, Hội thảo Nâng cao chất lượng đào tạo khoa Công nghệ Thông tin, 29/12/2015.
- [14] Nguyễn Thủy Đoan Trang, Hướng dẫn xây dựng bài giảng e-Learning với Adobe Presenter 10.
- [15] Nguyễn Thủy Đoan Trang, Đề xuất giải pháp ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông trong mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom), Hội thảo khoa học cấp trường, Công nghệ Thông tin và Truyền thông, ICT 2015.
- [16] Nguyễn Thủy Đoan Trang, Một vài đề xuất triển khai giáo dục định hướng nghề nghiệp-ứng dụng, Hội thảo Đổi mới đào tạo Định hướng nghề nghiệp-ứng dụng, Trường Đại học Thái Bình Dương, 2017.



# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TRIỂN KHAI HỌC PHẦN KHỞI NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

*ThS. Nguyễn Thị Huyền Thương*

*Bộ môn Quản trị Du lịch – Khoa Kinh tế*

## **Tóm tắt**

*Khởi nghiệp sáng tạo là một xu hướng mới trên toàn thế giới và đang tạo nên một làn sóng mạnh mẽ tại Việt Nam khi Chính phủ chọn 2016 là “Năm Quốc gia Khởi nghiệp”, đồng thời dự báo 2017 sẽ là năm chạy đà để tăng tốc hoạt động khởi nghiệp cho những năm tiếp theo. Tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo là yếu tố cốt lõi tạo ra thành công của các doanh nghiệp ngày nay. Nó không chỉ cần khi người ta bắt đầu mở ra một doanh nghiệp mới, mà còn cần thiết trong suốt quá trình hoạt động của mọi doanh nghiệp, vì nó giúp đổi mới không ngừng để thích ứng với bối cảnh và tạo ra thế mạnh cạnh tranh. Đi cùng xu thế đó, đào tạo khởi nghiệp đóng vai trò hết sức quan trọng trong mục tiêu chung của đất nước, đặc biệt là sự đóng góp của các trường đại học, cao đẳng. Vì thế, mục đích chính của bài viết là luận bàn đến một số điểm thuận lợi và hạn chế tại trường Đại học Nha Trang trong những hoạt động liên quan đến khởi nghiệp và đưa ra giải pháp, đề xuất để triển khai học phần mới “Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo” trong thời gian tới.*

## **1. Sự cần thiết của việc triển khai học phần Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo cho sinh viên**

Tại hội thảo “Giáo dục bậc cao và đổi mới sáng tạo – động lực thúc đẩy phát triển Việt Nam từ nay tới năm 2035” được diễn ra từ ngày 11-25/3/2015 đã chỉ ra những kinh nghiệm quốc tế về Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo (Entrepreneurship & Innovation) và nhìn nhận vai trò quan trọng của đổi mới sáng tạo đối với tăng trưởng kinh tế, đồng thời là yếu tố không thể thiếu góp phần tạo cơ hội việc làm cho lao động. Nghiên cứu gần đây cho thấy rằng lực lượng lao động đóng góp chính vào phát triển kinh tế là thanh niên và sức sáng tạo của tuổi trẻ. Tuy nhiên, phần lớn thanh niên Việt Nam hiện nay tập trung nhiều vào các hoạt động phong trào, mang tính bề nổi nhưng lại thiếu các việc làm thể hiện giá trị tăng sự sáng tạo và hàm lượng chất xám ở trong đó. Đây là một trong những hạn chế cơ bản ảnh hưởng đến những đóng góp thực sự có

giá trị của thế hệ trẻ cho phát triển kinh tế, xã hội, và cộng đồng (Viện Chiến lược Phát triển, 2015).

Số liệu thống kê từ Đề án Hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp của Bộ giáo dục và Đào tạo tại 120 trường đại học, 115 trường cao đẳng cho thấy: (i) Hoạt động khởi nghiệp và hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp tại các nhà trường hầu như chưa được triển khai; (ii) 10/120 trường bước đầu hình thành các Câu lạc bộ Vườn ươm doanh nhân, câu lạc bộ được điều hành bởi Ban chủ nhiệm là những sinh viên có nhiệt huyết và đam mê kinh doanh từ tất cả các khoa của nhà trường; (iii) Tỷ lệ khởi sự kinh doanh của sinh viên Việt Nam sau tốt nghiệp là 2% (so với trung bình các nước phát triển là 12,4%). Đồng thời, trong số hơn 412 cơ sở đào tạo học viện, trường đại học, cao đẳng có tỷ lệ đào tạo ngành kinh tế lớn, tuy nhiên số lượng các trường đưa nội dung về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp vào giảng dạy rất ít (VCCI, 2015). Bên cạnh đó, mặc dù có những trường đưa nội dung này vào giảng dạy, nhưng chương trình đào tạo, bài giảng phát triển chưa thống nhất, dựa trên nhiều nguồn tài liệu thiếu tính chính thống. Do đó, nhu cầu có một bộ chương trình đào tạo về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp hoàn chỉnh, chất lượng là hết sức cấp thiết không chỉ của các trường đại học Việt Nam mà còn ở các cấp bậc đào tạo khác.

Nhận thấy xu hướng phát triển và nhu cầu cấp bách trong đào tạo nhân lực nhằm thúc đẩy năng lực sáng tạo và khởi nghiệp của thế hệ trẻ nhất là học sinh, sinh viên, năm 2016, Chính phủ đã xây dựng đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”. Vì thế, trong năm 2017 được xem là năm các trường đại học thể hiện vai trò tiên phong của mình để thực hiện sứ mệnh Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo để cung cấp cho xã hội những tài năng được trang bị tư duy và kỹ năng cần thiết cho công cuộc đó. Để thực hiện trách nhiệm của Giáo dục đại học đối với Chiến lược Quốc gia Khởi nghiệp và theo kịp xu hướng của thế giới, trường Đại học Nha Trang cần chung tay tạo môi trường và điều kiện thuận lợi, cùng thấp sáng và kích thích tinh thần đổi mới sáng tạo. Một trong những việc cần được thực hiện trong thời gian gần nhất chính là triển khai giảng dạy học phần “Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo” với mục tiêu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp sáng tạo cho sinh viên tất cả các ngành trong trường.

## **2. Cơ sở lý thuyết**

### **2.1. Khái niệm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

Theo Ông Lê Quân – Phó giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, có sáu dạng thức khởi nghiệp chính. Thứ nhất, khởi nghiệp đam mê là cá nhân có đam mê và thành lập doanh nghiệp để thực hiện mục tiêu chính là đam mê và làm chủ bản thân. Thứ hai, khởi nghiệp tạo việc làm cho bản thân như từ chối đi làm thuê, mở công ty kinh doanh. Thứ ba, *khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (start-up) là dạng thức phát triển mô hình kinh doanh mới, có tiềm năng phát triển cao, có khả năng thu hút vốn lớn và tạo giá trị gia tăng cao*. Doanh nghiệp này được đầu tư với kỳ vọng có tăng trưởng đột biến và có giá trị gia tăng cao. Ví dụ Google, Facebook... dựa trên đổi mới sáng tạo, nên những lĩnh vực như công nghệ, công nghệ thông tin... rất phù hợp với loại hình khởi nghiệp này. Thứ 4, khởi nghiệp định hướng chuyên nhượng là cách thức khởi nghiệp đi tắt, đón đầu, giải mã, làm chủ công nghệ cho phù hợp với nhu cầu xã hội và chuyên nhượng lại. Thứ 5, khởi nghiệp xã hội mang ý nghĩa nhân văn cao, các doanh nghiệp tiếp cận theo mô hình khởi nghiệp tuy không vì mục đích thương mại nhưng vẫn gọi vốn để duy trì các hoạt động của doanh nghiệp, hình thức gọi vốn thường là để lôi kéo các tổ chức, cá nhân có điều kiện tham gia vào tài trợ cho các dự án của họ. Thứ 6, khởi nghiệp trong doanh nghiệp từ các dự án đầu tư mới, lĩnh vực kinh doanh mới. Các doanh nghiệp này thường tìm kiếm, phát triển sang các sản phẩm phụ bên cạnh sản phẩm chính hoặc thành lập các dự án kinh doanh mới để giúp doanh nghiệp đa dạng hóa dịch vụ, thu hút và giữ chân khách hàng (Việt Hà, 2017).

## **2.2. Một số yêu cầu của việc triển khai học phần Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo tại trường Đại học**

Bên cạnh hai vai trò truyền thống là giảng dạy và nghiên cứu, ngày nay các trường phải nhận thức rõ tầm quan trọng của sứ mạng thứ ba, là gắn với các doanh nghiệp và đáp ứng với những nhu cầu của họ nhằm phục vụ cho cộng đồng và đời sống xã hội. Để làm được điều này, các trường Đại học sẽ cần phải nhấn mạnh trọng tâm đào tạo của mình, không chỉ là kiến thức hàn lâm, mà là những kỹ năng mềm, khuyến khích những ý tưởng đột phá trong quá trình học. Thay cho cách dạy lý thuyết, các trường cần chuyển sang dạy học thông qua trải nghiệm, mục đích là để giúp người học hiểu cách tư duy của những người khởi nghiệp và có khả năng lựa chọn những quyết định tốt nhất trong một bối cảnh cụ thể (Phạm Thị Ly, 2016).

Trong cuốn sách có tựa đề “Innovation 2.0 – Reinventing University Roles in a Knowledge Economy” của hai tác giả người Mỹ (Tornatzky & Rideout, 2014), các tác

giả thực hiện nghiên cứu từ 12 trường đại học có thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo về công nghệ hàng đầu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có một số yêu cầu cơ bản mà các trường đại học muốn thực hiện đổi mới sáng tạo cho sinh viên phải quan tâm: (1) Xây dựng Văn hóa của trường đại học; (2) Phát huy vai trò của lãnh đạo; (3) Hình thành tinh thần khởi nghiệp; (4) Thiết lập mối quan hệ đối tác với doanh nghiệp và cộng đồng; và (5) Thực hiện chuyển giao công nghệ. Kết quả nghiên cứu của các tác giả cũng đã lý giải tại sao một số trường đại học đổi mới sáng tạo thành công, còn một số trường lại gặp khó khăn trong đổi mới sáng tạo.

### **3. Thực trạng triển khai học phần Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo tại trường Đại học Nha Trang**

#### **3.1. Các chương trình đào tạo tại trường Đại học Nha Trang có kiến thức liên quan đến học phần Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo**

<b>Chương trình đào tạo/ Ngành đào tạo</b>	<b>Học phần có liên quan đến Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo</b>	<b>Tín chỉ</b>
<b><i>Chương trình đào tạo tại Khoa Kinh tế</i></b>		
Ngành Quản trị kinh doanh	Lập kế hoạch kinh doanh	03
	Khởi sự kinh doanh	03
	Quản trị dự án	03
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Lập kế hoạch kinh doanh du lịch	03
Chuyên ngành Quản trị khách sạn	Lập kế hoạch kinh doanh du lịch	03
Ngành Kinh doanh thương mại	Khởi sự kinh doanh	03
Ngành Kinh tế nông nghiệp	Không có	
Ngành Marketing	Không có	
Ngành Hệ thống thông tin quản lý	Lập và thẩm định dự án đầu tư	03
<b><i>Chương trình đào tạo tại Khoa</i></b>		

<b>Kế toán - Tài chính</b>		
Ngành Tài chính – Ngân hàng	Không có	
Ngành Kế toán	Lập và thẩm định dự án đầu tư	03

(Nguồn: Trích dẫn từ chương trình đào tạo các ngành công bố trên website Nhà trường, 2017)

Cho đến thời điểm hiện tại, trường Đại học Nha Trang có 06 ngành đào tạo với 05 học phần có liên quan đến Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, tập trung trong chương trình đào tạo của Khoa Kinh tế. Hơn nữa, những học phần này chủ yếu liên quan đến kinh doanh mà chưa nhấn mạnh tầm quan trọng của đổi mới sáng tạo (innovation) trong khởi nghiệp (entrepreneurship). Như vậy, nội dung Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Start-up) chưa được chú trọng và phổ biến rộng rãi trong phạm vi Nhà trường do rất nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan.

### **3.2. Một số đánh giá về những thuận lợi và khó khăn khi triển khai đào tạo học phần Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo tại Nhà trường**

#### **3.2.1. Thuận lợi**

Thứ nhất, nhân lực giảng dạy Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bước đầu được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ. Bằng chứng là nhóm 03 giảng viên của trường tham gia tập huấn khóa đào tạo các giảng viên nguồn về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp do Chính phủ Phần Lan hợp tác với Bộ Khoa học Công nghệ Việt Nam (IPP2) tổ chức, đã nhận được chứng chỉ giảng dạy nội dung này vào tháng 3/2017 và mang về một dự án Khởi nghiệp do IPP2 tài trợ 70%.

Thứ hai, Nhà trường đang từng bước đầu tư, tạo điều kiện về cơ sở vật chất cần thiết cũng như thủ tục hành chính thông thoáng cho các hoạt động liên quan đến Khởi nghiệp. Điển hình như các hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn dành cho sinh viên trường đã được tổ chức thành công, nhận được nhiều sự quan tâm, hưởng ứng. Gần đây nhất là Hội thảo “Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo: Tại sao không?” do Ban điều phối Dự án “Chương trình xây dựng tinh thần Khởi Nghiệp và Đổi Mới Sáng Tạo tại các trường Đại Học và Cao Đẳng khu vực Miền Trung Việt Nam hướng đến phát triển bền vững” – chi nhánh Trường Đại học Nha Trang tổ chức vào ngày 19/05/2017 vừa qua với khoảng 250 sinh viên đăng ký tham gia một cách nhiệt tình, hào hứng. Ngoài ra, trong bài phát biểu của Hiệu trưởng Nhà trường - Trang Sĩ Trung tại hội thảo

này đã nhắc đến một không gian học tập lý tưởng, hỗ trợ sinh viên phát triển những ý tưởng đột phá đang được hình thành tại thư viện trường trong thời gian tới.

Thứ ba, sinh viên trường với sự năng động và tràn đầy nhiệt huyết của tuổi trẻ đang mong chờ được lĩnh hội những kiến thức mới cũng như được truyền cảm hứng cho những ý tưởng sáng tạo. Giáo dục tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nhà trường giúp người học thay đổi nhận thức, tư duy về công việc học tập và định hướng rõ về nghề nghiệp tương lai. Nội dung này đang được triển khai có hiệu quả tại Trường Đại học Nha Trang, tạo ra những hiệu ứng tích cực cho sinh viên toàn trường.

### **3.2.2. Khó khăn**

Thứ nhất, có rất nhiều văn bản, chính sách được Chính phủ ban hành nhằm quán triệt tinh thần và nêu lên chủ trương rõ ràng về một Quốc gia khởi nghiệp nhưng khi thực hiện, phổ biến đến từng cơ quan, bộ phận hay cơ sở đào tạo thì vẫn còn nhiều suy nghĩ và cách hiểu khác nhau. Từ đó tạo ra một số bất đồng quan điểm và nhiều ý kiến trái chiều trong việc triển khai học phần này. Tại trường ta, tuy đã bắt đầu tiếp cận với xu hướng mới và tiến hành một số hoạt động nhằm đẩy mạnh phong trào nhưng vẫn chưa có sự thống nhất nhận thức về khái niệm và tầm quan trọng của khởi nghiệp sáng tạo và mối liên kết với các doanh nghiệp Start-up.

Thứ hai, ngoài nhóm giảng viên được đào tạo chính thức về Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo và một số giảng viên đang phụ trách các học phần có liên quan thì nguồn nhân lực để trực tiếp giảng dạy và tư vấn hỗ trợ còn hạn chế. Ngoài ra, số lượng giảng viên có kinh nghiệm khởi nghiệp hay có kiến thức thực tế về vấn đề này chưa nhiều, dẫn đến tình trạng thiếu hụt và khó khăn trong việc truyền cảm hứng cho người học.

Thứ ba, trong giai đoạn đầu tiên, giảng viên cần đưa ra khung chương trình học phần “Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo”. Đáp ứng yêu cầu này đòi hỏi phải có một chương trình bài bản, cập nhật, bổ sung và cung cấp các kiến thức chuyên sâu về Khởi nghiệp sáng tạo. Tuy nhiên, hiện nay chưa có một giáo trình chính thức nào được đưa vào giảng dạy về khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với môi trường tại Việt Nam.

Thứ tư, vì các học phần có liên quan đến khởi nghiệp mới chỉ được triển khai cho sinh viên khối ngành Kinh tế và Kế toán nên phạm vi truyền tải kiến thức cũng như tiếp cận những tài năng tiềm ẩn, giúp sinh viên bộc lộ ý tưởng ở các ngành khác chưa được phát huy.

#### **4. Một số giải pháp và kiến nghị nhằm triển khai đào tạo học phần Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo tại Nhà trường**

##### **4.1. Giải pháp**

*Giải pháp 1: Cần thống nhất nhận thức, quan điểm toàn trường về triển khai đào tạo học phần*

Việc nhất quán quan điểm từ cấp cao xuống thấp, từ Ban giám hiệu đến các phòng ban và giảng viên toàn trường có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc triển khai học phần này. Nhà trường cần thiết lập một bộ phận chuyên trách có tư tưởng vững vàng và trình độ chuyên môn phù hợp để quản lý, tiến hành tổ chức các hội nghị, sự kiện, khóa tập huấn nhằm đa thông tư tưởng, phổ biến xu hướng và nâng cao nhận thức cho toàn bộ cán bộ viên chức cũng như sinh viên trong trường.

*Giải pháp 2: Chuẩn bị nhân lực (đội ngũ giảng viên tham gia trực tiếp và hỗ trợ)*

Đầu tiên, cần lựa chọn một đội ngũ giảng viên có năng lực và thực sự hứng thú với nội dung Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bằng cách vận động giảng viên tham gia những buổi hội thảo, khóa tập huấn ngắn ngày do Nhà trường và nhóm giảng viên nguồn tổ chức. Tiếp theo, mở rộng giao lưu, kết nối với cộng đồng doanh nghiệp cũng như giảng viên ở các trường tiên phong, đã có kinh nghiệm triển khai học phần này để hình thành đội ngũ tư vấn và bổ sung kiến thức, những bài học thực tế giúp truyền cảm hứng cho sinh viên hiệu quả hơn.

*Giải pháp 3: Xây dựng chương trình Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*

Để xây dựng được chương trình đào tạo này cần khảo sát nhu cầu người học, đồng thời tìm hiểu nội dung giảng dạy hiện tại cũng như trên thế giới để rút ra ưu điểm và hạn chế. Sau đó, kết hợp với kết quả khảo sát để đưa ra giáo trình phù hợp với điều kiện và môi trường học tập tại trường, dựa trên nguồn tài liệu của các chuyên gia về Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo và khung bài giảng từ các trường đào tạo nổi tiếng trên thế giới. Ngoài ra, cần xây dựng nguồn tài liệu học tập cần thiết, súc tích và đa dạng, có các tình huống thực tế thông qua sự tài trợ về tài chính của IPP2, tận dụng những tài liệu cùng với kiến thức mà dự án này cung cấp. Bên cạnh đó, lên kế hoạch mở rộng phạm vi đào tạo ra toàn tỉnh và các địa phương lân cận để thúc đẩy Hệ sinh thái khởi nghiệp, góp phần vào chiến dịch của Quốc gia, đồng thời quảng bá cho trường Đại học Nha Trang.

*Giải pháp 4: Tổ chức khóa đào tạo, cuộc thi Khởi nghiệp cho sinh viên toàn trường*

Những khóa đào tạo sẽ dạy cho người học bộ công cụ sáng tạo và kỹ thuật cơ bản giúp người học phát triển tư duy sáng tạo và cách áp dụng các công cụ này vào việc phát triển ý tưởng và đánh giá ý tưởng sáng tạo cũng như giải quyết bài toán thực tế của doanh nghiệp/cá nhân nhằm làm tăng năng suất và hiệu quả. Ngoài ra, các cuộc thi quy mô từ trong trường đến khu vực miền Trung với mục đích tạo ra một sân chơi bổ ích để sinh viên phát huy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo và tự tin đưa ý tưởng đột phá của mình cạnh tranh với các tài năng từ nhiều vùng miền khác nhau, tiếp cận gần hơn với các nhà đầu tư để trở thành những doanh nghiệp thành công trong tương lai.

#### **4.2. Một số kiến nghị**

Nhà trường cần tạo nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho giảng viên và các đơn vị hỗ trợ đóng vai trò là những người truyền cảm hứng, cung cấp thông tin, giới thiệu những thành công, điển hình, kinh nghiệm, hỗ trợ phát triển đội nhóm thông qua thúc đẩy hợp tác liên ngành trong sinh viên và cả cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Việc thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp là nền tảng để các trường đại học thực thi chiến lược thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu của mình và hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp (Tornatzky & Rideout, 2014). Vì thế, cần nhanh chóng hình thành hệ thống các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật khởi nghiệp, đặc biệt là trong giai đoạn ươm tạo; tư vấn lựa chọn, phát triển ý tưởng, xây dựng dự án, tính toán hiệu quả dự án, thu hút các nhà đầu tư, cũng như các điều kiện kỹ thuật, pháp lý,... là những vấn đề mà các bạn trẻ khởi nghiệp quan tâm và là nền tảng để phong trào khởi nghiệp thanh niên lan tỏa rộng rãi. Bên cạnh đó, cần đầu tư thêm cơ sở vật chất cho trung tâm thực hành, thí nghiệm và văn phòng làm việc cho Trung tâm Khởi nghiệp của trường. Ngoài ra, Nhà trường nên chuẩn bị thật tốt nguồn nhân lực cũng như cơ sở vật chất đồng thời đẩy nhanh tiến độ triển khai học phần và các khóa đào tạo về Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo.

#### **5. Kết luận**

Truyền cảm hứng cho các thế hệ sinh viên và trang bị cho họ những kiến thức kỹ năng cần cho hoạt động khởi nghiệp, chính là nhà trường đang tạo ra những người chủ doanh nghiệp thành công trong tương lai. Do đó, trường Đại học Nha Trang có thể đóng một vai trò tích cực trong việc tạo ra môi trường khích lệ khởi nghiệp tại địa phương, cùng lan tỏa tinh thần khởi nghiệp sáng tạo bằng việc kết nối với giới doanh nghiệp, **tăng cường sứ mạng thứ ba của nhà trường, gắn kết nhà trường với xã hội.** Từ đó cho thấy học phần Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo là thực sự cần thiết cho sinh



viên trường ở bất kì ngành học nào. Cùng với những thuận lợi sẵn có, đồng thời khắc phục những hạn chế thông qua áp dụng một số giải pháp được đưa ra trong bài tham luận, tác giả tin rằng trường Đại học Nha Trang sẽ triển khai nhanh chóng học phần này cũng như tổ chức thành công những khóa đào tạo về khởi nghiệp sáng tạo, tạo một điểm nhấn trong cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Thị Ly, 2016. *Vai trò của trường Đại học trong xây dựng môi trường sáng tạo khởi nghiệp*. <http://www.lypham.net/?p=1773>. [Đã truy cập 4/4/2017].
2. Phòng Đào tạo, 2017. *Trường Đại học Nha Trang*. <http://ntu.edu.vn/pdaotao/ViewTin.aspx?idcd=119&idnews=222>. [Đã truy cập 15/5/2017].
3. Tornatzky, L. G. & Rideout, E. C., 2014. *Innovation 2.0 – Reinventing University Roles in a Knowledge Economy*. 1 ed. s.l.:www.Innovation-U.com.
4. VCCI, 2015. *Báo cáo chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2014*, Hà Nội: NXB Thông Tấn.
5. Viện Chiến lược Phát triển, 2015. *Giáo dục bậc cao và đổi mới sáng tạo – động lực thúc đẩy phát triển Việt Nam*, Hà Nội: Báo cáo Việt Nam 2035.
6. Việt Hà, 2017. *Đẩy mạnh công tác khởi nghiệp đối với tuổi trẻ ĐHQGHN*. *Bản tin Đại học Quốc gia Hà Nội*, Tập 312, pp. 12-13.

# THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH HÓA CƠ BẢN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

*Hoàng Thị Huệ An, Hoàng Thị Thu Thảo, Trần Thị Thảo Vy,*

*Lê Mỹ Kim Vương, Phạm Anh Đạt*

*Bộ môn CNKT Hóa học – Khoa Công nghệ Thực phẩm*

## I. SỰ CẦN THIẾT NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY THỰC HÀNH HÓA CƠ BẢN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Hóa học cơ bản là hệ thống các môn khoa học nghiên cứu về cấu tạo và tính chất hóa học và hóa lý của các hệ vật chất, cùng với các quy luật chi phối các quá trình biến đổi vật chất từ dạng này sang dạng khác. Việc nắm vững các kiến thức Hóa cơ bản cho phép người học giải thích nhiều hiện tượng tự nhiên, dự đoán tính chất hóa học – hóa lý của các chất, từ đó ứng dụng vào các lĩnh vực chuyên ngành có liên quan (như công nghệ hóa học, công nghệ thực phẩm, công nghệ môi trường, công nghệ sinh học, vật liệu, cơ khí,...).

Trong những năm gần đây, cùng với sự gia tăng nhanh chóng số lượng các trường đại học trong nước và tâm lý người học muốn chọn công việc an nhàn sau khi tốt nghiệp, số lượng và chất lượng đầu vào tuyển sinh các khối ngành công nghệ kỹ thuật ở trường Đại học Nha Trang (viết tắt: ĐHNT) cũng như nhiều trường đại học khác trong nước có những sự sụt giảm đáng kể. Đặc biệt, điểm tuyển sinh đầu vào môn Hóa học của sinh viên các khối ngành công nghệ kỹ thuật ở trường ta đa số nằm trong phổ yếu - trung bình. Nguyên nhân là do đa số sinh viên ĐHNT xuất thân từ các trường PTTH ở vùng nông thôn thuộc khu vực Nam – Trung bộ, bản thân gia đình các em kinh tế khó khăn không có điều kiện học tập tốt, cộng với cơ sở vật chất nhà trường và trình độ chuyên môn của giáo viên PTTH đôi khi chưa đạt chuẩn, nhất là các em chịu ảnh hưởng bởi lối dạy học truyền đạt kiến thức một chiều, bởi một nền giáo dục nặng về thi cử chạy theo thành tích, không chú trọng giảng dạy kiến thức cơ bản, rèn luyện khả năng tự học và các kỹ năng mềm. Kết quả là sinh viên đầu vào các ngành kỹ thuật ở trường ta đa số rất thụ động, khả năng tự học, năng lực tư duy, sáng tạo kém.

Theo chủ trương chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường ĐHNT cũng như nhiều trường đại học khác trong cả nước đang áp dụng học chế tín chỉ, trong đó một trong những yêu cầu đào tạo là rèn luyện cho sinh viên năng lực tự học – tự nghiên cứu nhằm giúp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng thích ứng linh hoạt với môi trường lao động đa dạng, hội nhập quốc tế. Do vậy, thời lượng giảng dạy trên lớp của các học phần được rút ngắn lại. Tuy nhiên, với sự suy giảm chất lượng đầu vào tuyển sinh như hiện nay, việc áp dụng học chế tín chỉ ở ĐHNT trong những năm qua đã dẫn đến nhiều khó khăn trong việc giảng dạy các học phần khoa học cơ bản, trong đó có các phần Hóa cơ bản – là những học phần có khối lượng kiến thức lớn với những khái niệm tương đối trừu tượng, các định luật, công thức khó nhớ đối với sinh viên. Mặc dù các giảng viên Bộ môn Hóa giảng dạy rất nhiệt tình nhưng kết quả học tập các học phần Hóa cơ bản của sinh viên trong những năm qua có tỷ lệ yếu kém rất cao. Điều này cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các hệ quả rất “đau đầu” cho nhà trường như tình trạng sinh viên bỏ học cao, số lượng tuyển sinh một số ngành suy giảm...

Trước hiện trạng trên, ngoài việc cùng với Nhà Trường thực hiện đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tăng thêm thời lượng cho các học phần cơ bản, trong thời gian gần đây giảng viên Bộ môn Hóa cũng đã đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng giảm thiểu các nội dung lý thuyết hàn lâm, chỉ cung cấp cho người học những kiến thức cốt lõi, thiết thực, liên hệ lý thuyết với thực tiễn, tăng giờ bài tập, tăng số lần kiểm tra, áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp sinh viên tăng cường tính tích cực, chủ động, bồi dưỡng năng lực tư duy, năng lực tự học - tự nghiên cứu cho sinh viên. Ngoài ra, Bộ môn cũng rất chú trọng công tác hướng dẫn thực hành, trau dồi kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Một điều đáng mừng là mặc dù năng lực tư duy hạn chế, nhưng đa số sinh viên trường ta đều tỏ ra cần cù, chịu khó và rất hứng thú với công việc thực hành, thí nghiệm. Qua các giờ thực hành, giảng viên có thể sáng tỏ thêm những khái niệm, giúp sinh viên hiểu và vận dụng các định luật hóa học, minh họa những vấn đề lý thuyết “khô cứng” bằng những thí nghiệm sinh động, đồng thời bước đầu bồi dưỡng cho sinh viên năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, phương pháp nghiên cứu khoa học, giúp sinh viên hứng thú hơn trong học tập.

Như vậy, có thể nói: Nâng cao chất lượng thực hành chính là chìa khóa giúp cải thiện chất lượng giảng dạy các học phần Hóa cơ bản nói riêng cũng như các học phần khoa học – kỹ thuật khác nói chung ở trường ta hiện nay.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác giảng dạy thực hành đối với việc nâng cao chất lượng giảng dạy, trong những năm qua, nhà trường cũng đã quan tâm đầu tư bổ sung trang thiết bị, cải tạo hệ thống các phòng thí nghiệm Hóa. Tuy vậy, ngoài những kết quả tích cực đã đạt được, công tác giảng dạy thực hành Hóa cơ bản ở trường ta vẫn còn những vấn đề tồn tại cần giải quyết.

Trong tham luận này, chúng tôi xin đề cập một số khó khăn vướng mắc của công tác thực hành Hóa cơ bản, đồng thời kiến nghị những giải pháp khắc phục tình trạng này.

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THỰC HÀNH HÓA CƠ BẢN**

### **II.1. Về cơ sở vật chất**

Bộ môn Hóa hiện đảm nhiệm việc hướng dẫn thực hành các học phần Hóa cơ bản cho nhiều ngành kỹ thuật công nghệ trong Trường, bao gồm:

- Các ngành không chuyên hóa: TH Hóa đại cương, TH Hóa lý – Hóa keo, TH Hóa keo, TH Hóa hữu cơ, TH Hóa phân tích

- Ngành CNKT Hóa học: TH Hóa đại cương, TH Hóa lý, TH Hóa keo, TH Hóa hữu cơ, TH Hóa vô cơ, TH Hóa phân tích, TH Quá trình - Thiết bị.

Bộ môn hiện có 4 phòng thí nghiệm (PTN) phục vụ thực hành Hóa cơ bản, bao gồm: 2 PTN Hóa đại cương, 1 PTN Hóa Hữu cơ, 1 PTN Hóa phân tích.

Trung bình hàng năm số lớp thực hành Bộ môn Hóa đảm nhiệm vào khoảng 60 lớp. Nếu tính trung bình mỗi lớp chia thành 3 nhóm (20 sv/nhóm), mỗi nhóm thực hành 7 buổi/môn (1 TC/môn) thì tổng số buổi thực hành cần bố trí trong một năm học là 1.260 buổi/năm. Với 4 phòng thí nghiệm hiện có thì trung bình mỗi phòng mở cửa 26 tuần/năm, tức là gần như liên tục sáng chiều trong suốt năm học.

Ngoài ra, BM còn phụ trách nhiều học phần thực hành chuyên ngành (TH Tách chiết và tinh chế hợp chất thiên nhiên, TH Hóa học và Hóa lý polymer, TH Công nghệ chất màu và chất mùi tự nhiên, TH Công nghệ Vật liệu polymer và composite, TH Chất chống oxy hóa tự nhiên), hướng dẫn đồ án chuyên ngành, đồ án tốt nghiệp (ĐATN), chuyên đề tốt nghiệp cho sinh viên ngành CNKT Hóa học. Các học phần TH

Hóa chuyên ngành hiện chưa có PTN riêng và cũng chưa được đầu tư trang thiết bị nào phục vụ thực hành. Do vậy, Bộ môn phải bố trí thực hành các học phần này chung trong các PTN Hóa cơ bản, các bài thực hành chỉ mang tính chất “chữa cháy” chứ thực sự chưa đáp ứng yêu cầu môn học! Vào mùa sinh viên làm đồ án tốt nghiệp, số lượng sinh viên làm việc tại các PTN rất lớn, chen chúc nhau trong thời tiết oi bức của mùa hè (cùng với hệ thống quạt trang bị đã bị hư hỏng gần hết!) khiến cả thầy lẫn trò đều mệt mỏi.

Trang thiết bị thực hành còn thiếu khá nhiều về số lượng lẫn chủng loại. Một số học phần có số lượng lớp đông (TH Hóa đại cương, TH Hóa phân tích, TH Hóa hữu cơ) nhưng PTN không đáp ứng đủ ngay cả một số dụng cụ rẻ tiền mau hỏng (bình nón, pipet, buret, bình tia, phễu, ....) để có thể tiến hành đồng thời, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thực hành. Một số trang thiết bị thông dụng (bếp điện, cân phân tích, pH mét, quang kế UV-Vis CARY 50, máy đồng hóa...) do được sử dụng với tần suất rất cao nên hiện đã xuống cấp, không còn chính xác, ảnh hưởng nhiều đến độ tin cậy của kết quả đo. Một số khác nay đã hư hỏng hoàn toàn, chưa sửa chữa được (quang kế Vis GENESYS 20, máy chuẩn độ điện thế, bể siêu âm, tủ HOTTE, tủ đựng hóa chất-dụng cụ, ...).

Do mỗi phòng chưa được trang bị đầy đủ dụng cụ-thiết bị cần thiết nên thường là phải luân chuyển qua lại giữa các PTN, điều này dẫn đến tình trạng lộn xộn, khó quản lý đối với GV hướng dẫn TH cũng như CB PTN, nhất là trong thời gian sinh viên làm đồ án tốt nghiệp (một số sinh viên thuộc các Bộ môn/Khoa khác cũng đến làm việc tại PTN Hóa). Do điều kiện thực nghiệm thiếu thốn nên sinh viên thực hiện ĐATN gặp khá nhiều khó khăn, các em mất nhiều thời gian chờ đợi để được sử dụng PTN hay thiết bị. Điều này làm các em nản lòng, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng đồ án, ảnh hưởng đến số lượng sinh viên đăng ký làm ĐATN vào những năm sau, cũng như có thể tạo ra những thông tin không tốt trong xã hội về việc đảm bảo chuẩn đầu ra của nhà trường như đã công bố.

## **II.2. Về kinh phí thực hành**

Theo quy định của Phòng Kế hoạch – Tái chính, đầu mỗi học kỳ mỗi GV HD TH phải làm bản dự trù kinh phí cho các lớp mình phụ trách nộp lên trường dựa trên định mức thực hành đã được nhà trường phê duyệt và số lượng sinh viên đăng ký. Các vật dụng cần mua sắm cho TH Hóa rất nhiều (mấy chục thứ khác nhau/môn học), do đó

thường một bản dự trù mất 2-3 trang A4/lớp. Việc dự trù này rất chi li vì phải theo đúng định mức thực hành (ví dụ: 20 g chất A, 60 ml chất B,...) nhưng chỉ là hình thức vì trên thực tế không thể mua lẻ hóa chất theo đúng dự trù mà phải theo đơn vị đóng gói của nhà sản xuất! Trong khi đó, một điều chắc chắn là TT Thí nghiệm – Thực hành (TT TN-TH) và Phòng Kế hoạch – Tài chính và kiểm toán nhà nước không thể kiểm tra hết các bản dự trù nói trên! Như vậy, điều này vừa lãng phí thời gian của GV, lãng phí giấy mực và Phòng KH-TC lại phải tốn công, tốn chỗ để lưu trữ mớ giấy tờ này! Do đó, nên hủy bỏ việc dự trù theo từng lớp và cấp kinh phí thực hành dựa theo dự trù tổng hợp của cả BM trong từng học kỳ.

BM Hóa hiện nay có nhiều học phần thực hành chuyên ngành mới đang trong giai đoạn xây dựng nội dung. Mặt khác, theo yêu cầu của nhà trường, các BM cần rà soát, điều chỉnh nội dung các bài thực hành sao cho vừa đảm bảo chất lượng, vừa tiết kiệm kinh phí. Để thực hiện công việc này BM cần chủ động nguồn kinh phí để mua sắm hóa chất-dụng cụ thử nghiệm. Tuy nhiên, hiện nay kinh phí thực hành được nhà trường giao cho TT TN-TH quản lý và mua sắm theo dự trù của BM ngay từ đầu học kỳ. Việc mua sắm ngoài kế hoạch như trên của BM khó được TT TN-TH đáp ứng. Hơn nữa, CB PTN không thông thạo về tính năng, yêu cầu kỹ thuật, giá cả của các dụng cụ - hóa chất phục vụ thực hành, do đó việc mua sắm đôi khi không thực sự đúng với yêu cầu của BM. Do vậy, BM cần chủ động quản lý kinh phí thực hành để có thể đáp ứng tốt nhất và kịp thời các yêu cầu mua sắm thường xuyên và đột xuất.

### **II.3. Về kế hoạch đào tạo**

Hiện nay, mặc dù lý thuyết và thực hành đã được tách riêng ra nhưng kế hoạch thực hành hiện nay vẫn dựa trên cơ sở các lớp học phần lý thuyết. Điều này dẫn đến những vướng mắc sau đây:

- Theo học chế tín chỉ, SV chủ động đăng ký học phần phù hợp với kế hoạch thời gian của mình. Vì vậy, cùng một lớp thực hành Hóa cơ bản (thường cho các lớp năm 1-2) tuy đa số sinh viên có tên trong danh sách lớp do Phòng Đào tạo cung cấp chủ yếu là thuộc cùng một “lớp niên chế” (tạm gọi là “lớp chính”) nhưng vẫn có một số sinh viên đến từ các lớp niên chế khác (tạm gọi là “lớp phụ”, số sinh viên này thường là các sinh viên năm 3- 4 học lại hay học cải thiện). Trong một cuộc họp gần đây giữa nhà trường và Bộ môn bàn về việc tháo gỡ những vướng mắc trong công tác triển khai

thực hành các học phần Hóa cơ bản, Ban Giám hiệu đã yêu cầu Bộ môn phối hợp với phòng Đào tạo xếp thời khóa biểu thực hành. Tuy vậy, cho đến nay điều này vẫn chưa thể thực hiện được do nhiều khó khăn: BM thiếu GVHD thực hành chuyên trách nên phải huy động GV dạy lý thuyết tham gia hướng dẫn; GV dạy lý thuyết lại giảng dạy nhiều giờ và có nhiều công tác chuyên môn khác nên không thể thực hiện TKB do Phòng Đào tạo áp từ trên xuống căn cứ vào giờ dạy và PTN trống. Vì vậy, GVHD hiện vẫn phải tự liên hệ với lớp trưởng các lớp để sắp xếp TKB, rồi GV phải thông báo đến từng lớp trưởng các lớp có SV có tên trong danh sách thực hành (có lớp chỉ có 1 SV đăng ký) nhưng vẫn có một số sinh viên lớp phụ không biết lịch thực hành, hoặc không thể thực hành được theo “lớp chính” do bị trùng lịch học, một số học nửa chừng lại xin nghỉ vì bận đi thực tập xa trường nên không thể hoàn thành các bài thực hành,... Để giải quyết tình trạng này, GVHD cũng đã rất linh động cho các em đăng ký vào những lớp khác do mình hướng dẫn nhưng một số SV vẫn không thể bố trí lịch được. Kết quả là khi lên điểm (GVHD buộc phải lên điểm theo danh sách lớp học phần do Phòng Đào tạo cung cấp) số sinh viên này phải nhận điểm kém hay điểm 0 một cách oan uổng, ảnh hưởng đến tiến độ học tập và việc xét tốt nghiệp cho sinh viên năm cuối,... gây không ít bức xúc cho sinh viên.

Cũng do tình trạng kẹt lịch học, số lớp đông nên sv không thể theo học các học phần thực hành theo đúng yêu cầu tiên quyết của học phần (chẳng hạn SV chưa thực hành Hóa đại cương nhưng lại đăng ký thực hành các học phần sau nên chưa biết những kỹ năng thao tác cơ bản trong PTN), gây khó khăn cho GV trong việc giảng dạy (GV buộc phải hướng dẫn từ đầu, ảnh hưởng để kế hoạch giảng dạy học phần).

- Đầu học kỳ Trung tâm Thí nghiệm – Thực hành phải dự trù tạm ứng kinh phí mua sắm dụng cụ-hóa chất thực hành cho các lớp thực hành có trong học kỳ theo kế hoạch của Phòng Đào tạo đưa xuống. Trong thực tế, do Bộ môn thiếu PTN và thiếu GVTH nên mặc dù BM đã huy động tất cả GV dạy lý thuyết đều tham gia hướng dẫn thực hành nhưng vẫn không thể giải quyết hết số lượng các lớp theo kế hoạch. Kết quả là một số lớp tuy đã ứng kinh phí nhưng không thực hành được trong học kỳ do SV không bố trí được. Một số lớp tuy chưa ứng kinh phí nhưng lại xếp được lịch thực hành. Điều này cũng gây khó khăn cho TT TN-TH trong việc thanh quyết toán kinh phí với Phòng Kế hoạch – Tài chính.

#### **III.4. Về công tác an toàn lao động và xử lý chất thải PTN**

PTN Hóa là nơi thường sử dụng các hóa chất nguy hiểm, độc hại và các chất dễ cháy nổ (acid, bazơ, kim loại nặng, dung môi hữu cơ,...). Tuy nhiên, vấn đề an toàn và xử lý chất thải PTN trong nhà trường hiện chưa được quan tâm đúng mức, cụ thể là:

- PTN chưa được trang bị đầy đủ các vật dụng để sơ cấp cứu và xử lý tình huống khẩn cấp có thể xảy ra.

- Cán bộ PTN và GV HĐTH chưa được tập huấn về an toàn PTN, đặc biệt xử lý các tình huống khẩn cấp...

- Sinh viên thực hành Hóa cơ bản thường thuộc năm 1-2 chưa được trang bị kiến thức về an toàn lao động, thường rất thụ động trong việc xử lý tình huống nguy hiểm có thể xảy ra trong PTN.

- Chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải PTN Hóa. Các dung môi hữu cơ dùng xong thường được thu gom vào các chai lọ, nhưng chưa được xử lý thích hợp. Phần lớn các dịch thải PTN (dung dịch hóa chất đã sử dụng trong các thí nghiệm, các dung dịch đã pha chế nhưng hết thời hạn sử dụng,... ) đa số được xả vào hệ thống ống cống PTN (sau đó không rõ đi vào hệ thống xử lý chất thải PTN của trường hay chảy ra hệ thống nước thải thành phố hay chảy tràn tự do, thấm xuống đất,...).

- Một số chai lọ hóa chất mất nhãn hay hết thời hạn sử dụng vẫn còn tồn đọng trong các tủ kệ, chưa được phân loại, thanh lý.

- Chưa phân loại rác thải PTN (thủy tinh vỡ, giấy, kim loại...).

## **II.5. Về công tác quản lý phòng thí nghiệm**

- CB PTN còn thiếu kiến thức về vận hành, bảo quản trang thiết bị thí nghiệm, chưa thực sự chủ động trong việc quản lý sắp xếp hóa chất- dụng cụ một cách khoa học, chưa cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ.

- Các đơn vị chức năng chưa sâu sát trong việc nắm bắt hiện trạng để kịp thời khắc phục tình trạng xuống cấp PTN

## **III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT**

Để khắc phục các tình trạng nêu trên, Bộ môn xin kiến nghị một số nhóm giải pháp sau đây:

### **III.1. Tăng cường cơ sở vật chất PTN**

Bộ môn và các bộ phận chức năng trong trường cần thường xuyên kiểm tra, rà soát thực trạng PTN để nắm bắt nhu cầu xây dựng cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp



PTN. Hàng năm ngoài các dự án thiết bị lớn, nhà trường cần có kế hoạch bổ sung các thiết bị nhỏ lẻ và dụng cụ rẻ tiền mau hỏng đảm bảo đáp ứng yêu cầu cơ bản của học phần.

Đối với PTN Hóa, hiện nay SV chuyên ngành CNKT Hóa học đã chuẩn bị tốt nghiệp nhưng PTN và trang thiết bị cho các học phần thực hành chuyên ngành vẫn chưa có. Trước mắt, đề nghị nhà trường bổ sung cho Bộ môn Hóa 3 PTN chuyên ngành, gồm: PTN Quá trình – Thiết bị Hóa Công nghệ, PTN Công nghệ vật liệu, PTN Công nghệ Hóa hợp chất thiên nhiên) đồng thời đầu tư trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho các học phần này. Các PTN chuyên ngành này cũng là nơi để SV thực hiện ĐATN, GV thực hiện các đề tài NCKH, nhằm giảm tải cho các PTN Hóa cơ bản.

Chỉ khi có PTN và trang thiết bị-dụng cụ tương đối đầy đủ phục vụ thực hành, CB PTN mới có thể quản lý dễ dàng thống kê và quản lý chúng, tránh tình trạng mất mát, lộn xộn do di chuyển từ PTN này sang PTN khác.

### **III.2. Giao quyền tự chủ cho Bộ môn trong việc sử dụng kinh phí thực hành**

Như đã phân tích, BM cần chủ động kinh phí thực hành để thường xuyên cải tiến, nâng cao chất lượng thực hành. Bộ môn hơn ai hết chính là đơn vị quan tâm sát sao và chịu trách nhiệm về chất lượng thực hành các học phần được giao quản lý cũng như các học phần chuyên ngành vì đây là yếu tố quan trọng bảo đảm chất lượng đào tạo của ngành mình. Vì vậy, nên giao kinh phí thực hành cho các BM tự chịu trách nhiệm mua sắm, quyết toán với nhà trường theo đúng thủ tục tài chính. Với kinh phí nhà trường giao, bộ môn nào làm tốt sẽ trang bị đầy đủ cho phòng thí nghiệm ngành mình hơn. Điều này có thể đánh giá được qua việc khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng thực hành. Ngoài ra, được khoán kinh phí thực hành, các bộ môn sẽ cố gắng tiết kiệm tối đa để có thể hỗ trợ một phần hóa chất, dụng cụ cho các NCKH nhỏ của SV hay nghiên cứu thăm dò tiềm năng của GV trong BM, chứ không ỷ lại trông chờ vào nguồn kinh phí NCKH của nhà trường đang ngày càng eo hẹp. Với việc cải tiến trong cơ chế quản lý tài chính như trên, sẽ thúc đẩy hoạt động NCKH của SV và GV trong BM, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và chất lượng đội ngũ GV.

### **III.3. Cải tiến cách thức đăng ký các học phần thực hành**

Phòng Đào tạo cần thay đổi phương thức đăng ký các học phần thực hành. Không nên gán danh sách lớp thực hành theo lớp lý thuyết hay theo sự đăng ký của SV ngay từ đầu học kỳ vì kế hoạch này nhiều khi không khả thi do khó khăn về PTN và đội ngũ

GV. Thay vào đó, Phòng Đào tạo chỉ tập hợp danh sách SV có nguyện vọng đăng ký các học phần thực hành Hóa cơ bản trong học kỳ. Sau khi có lịch học lý thuyết, Bộ môn sẽ làm việc với GV và CB PTN để bố trí TKB thực hành phù hợp với thời gian trống của mỗi GV và số lượng PTN hiện có. Sau đó, Phòng Đào tạo sẽ thông báo TKB của mỗi giảng viên trên website của trường để SV biết và lựa chọn GV có TKB giảng dạy phù hợp với điều kiện thời gian của mình. Từ đó, Phòng Đào tạo sẽ tách danh sách SV đăng ký ra thành các lớp thực hành đúng thực tế. Những SV không tìm được lịch học phù hợp sẽ được xếp lớp trong học kỳ hè. Như vậy, SV sẽ được thông báo lịch học cụ thể và GV cũng không phải tìm đến SV để xếp TKB và thông báo đến từng lớp lịch thực hành, khắc phục tình trạng SV không thể tham dự thực hành với lớp học mình đã đăng ký, đồng thời cũng giải quyết được tình trạng vướng mắc trong việc tạm ứng và quyết toán kinh phí của TT TN-TH. Với cách làm này, nhà trường cũng sẽ xác định được yêu cầu nhân lực và PTN cần có Bộ môn để có thể đáp ứng được kế hoạch giảng dạy các học phần thực hành, từ đó có kế hoạch bổ sung phù hợp.

#### **III.4. Chú trọng công tác an toàn PTN – Xử lý chất thải**

*\* Về phía nhà trường:*

Cần mở các lớp bồi dưỡng kiến thức an toàn PTN và hàng năm tổ chức diễn tập xử lý tình huống khẩn cấp cho CB PTN và tất cả GV tham gia hướng dẫn TH.

Trang bị thêm các vật dụng cần thiết dự phòng cần thiết cho việc sơ cấp cứu, cho xử lý trường hợp rủi ro trong PTN.

Bổ sung các thiết bị chung cất thu hồi dung môi tái sử dụng, các loại thùng chứa rác thải (thủy tinh vỡ, giấy, kim loại, chất thải dễ phân hủy sinh học...)

Đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý chất thải PTN hiện có, nếu chưa đạt yêu cầu cần nâng cấp, cải tạo tránh gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư bên ngoài.

*\* Về phía GV:*

Cần hướng dẫn cho SV kiến thức an toàn PTN, hướng dẫn SV thu gom các chất thải độc hại vào các bình chứa để xử lý thích hợp, phân loại rác thải PTN, qua đó giáo dục SV ý thức bảo vệ môi trường.

#### **III.5. Công tác quản lý PTN**

TT TN-TH cần phối hợp với các bộ môn mở các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng sử dụng và bảo trì các trang thiết bị thông dụng cho các CB PTN, trao đổi kinh nghiệm quản lý PTN, giới thiệu hướng dẫn sử dụng các phần mềm quản lý PTN.

Các đơn vị chức năng cần thường xuyên rà soát, nắm bắt thực trạng PTN, xem xét giải quyết kịp thời các kiến nghị của Bộ môn để có kịp thời có kế hoạch nâng cấp, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất PTN.

Trước mắt, BM đề nghị nhà trường sửa chữa hay bổ sung thêm quạt, thay một số bóng đèn đã hỏng, sửa chữa tủ đựng dụng cụ hóa chất đã hư hỏng mỗi một từ nhiều năm nay ở PTN Hóa Phân tích.

#### **IV. KẾT LUẬN**

Đối với nhà trường chúng ta, công tác thực hành-thực tập có ý nghĩa rất quan trọng trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo, giúp củng cố kiến thức lý thuyết cho sinh viên, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, giáo dục nhân cách, thái độ nghề nghiệp, thái độ sống của sinh viên.

Vì vậy, rất mong Nhà trường sẽ đầu tư thích đáng hơn nữa cho việc mua sắm trang thiết bị, xây dựng/cải tạo PTN ngày càng khang trang, cũng như quan tâm đến việc đổi mới cơ chế quản lý, cải tiến thủ tục tài chính. Có như vậy mới tạo ra một môi trường học tập và NCKH thuận lợi cho SV và GV, xây dựng hình ảnh một trường ĐHNT không chỉ “xanh” mà còn sạch, đẹp, hiện đại-văn minh-khoa học, tạo ấn tượng tốt cho người học, tạo niềm tin cho xã hội. Từ đó, giúp nhà trường vững vàng trong cuộc cạnh tranh khốc liệt hiện nay giữa các trường đại học, phát triển bền vững, xứng đáng với vị thế của một trường đầu ngành có bề dày lịch sử của đất nước.

# ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

*Trần Quang Ngọc, Phan Vĩnh Thịnh,*

*Trần Thị Hoàng Quyên, Hà Thị Hải Yến*

*Bộ môn CNKT Hóa học – Khoa Công nghệ Thực phẩm*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học được nêu ra trong Luật giáo dục đại học: “Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”<sup>[1]</sup>. Như vậy, ngoài kiến thức chuyên môn, sinh viên cần phải được trang bị những kiến thức để nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên và xã hội.

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên cơ sở mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của từng ngành học. Thông thường chương trình đào tạo bao gồm hai khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Vai trò của giáo dục đại cương trong đào tạo đại học rất quan trọng. Người học được trang bị những kiến thức đại cương đủ rộng làm nền tảng cho tư duy sáng tạo, cho sự thích ứng với thị trường lao động luôn biến đổi<sup>[2]</sup>.

Tuy nhiên, thực trạng hiện nay tại các trường đại học, việc dạy và học các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đang gặp rất nhiều khó khăn nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo. Đại học Nha Trang cũng không ngoại lệ. Nhà trường đang nỗ lực tìm kiếm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục đại cương. Điều này được thể rõ thông qua việc Nhà trường ban hành Chương trình khối giáo dục đại cương, bắt đầu áp dụng từ K58. Chương trình giáo dục đại cương trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang đặt ra mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức nền tảng, tổng quát và các kỹ năng, thái độ cần thiết để tiếp tục giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp và thích ứng với sự phát triển không ngừng của tri thức và yêu cầu của xã hội<sup>[3]</sup>.

Trong báo cáo này chúng tôi trình bày thực trạng dạy và học học phần Hóa đại cương, đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy cho nhiều ngành học, đồng thời chúng tôi cũng đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học học phần này.

## **II. THỰC TRẠNG**

### **II.1. Học phần Hóa đại cương**

Học phần Hóa đại cương là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương của 11 ngành học, ngoài ra một số ngành trong nhóm kỹ thuật và công nghệ kỹ thuật cũng chọn Hóa đại cương làm học phần tự chọn trong chương trình đào tạo.

Đề cương học phần của học phần Hóa đại cương vừa mới được cập nhật và chỉnh sửa theo góp ý của Ban phát triển chương trình giáo dục đại cương và các thầy cô đại diện cho các ngành đào tạo. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần được xác định rõ ràng, phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của chương trình giáo dục đại cương:

#### ***Mục tiêu học phần Hóa đại cương:***

Trang bị cho người học những kiến thức nền tảng để có thể học các học phần Hóa cơ sở và các học phần chuyên ngành liên quan.

#### ***Kết quả học tập mong đợi:***

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

- a) Vận dụng kiến thức về cấu tạo nguyên tử để giải thích các tính chất đặc trưng và khả năng phản ứng của các nguyên tố.
- b) Ứng dụng tính chất tuần hoàn của các nguyên tố để hệ thống hóa tính chất vật lý và hóa học của các đơn chất và các hợp chất của chúng.
- c) Giải thích cấu tạo phân tử và tính chất của chúng.
- d) Giải thích được trạng thái tập hợp của vật chất.
- e) Biết được cách tính toán năng lượng trao đổi trong các quá trình hóa học và hóa lý.
- f) Xác định được chiều hướng và giới hạn của các quá trình hóa học và hóa lý.
- g) Ứng dụng các yếu tố ảnh hưởng để điều chỉnh tốc độ phản ứng mong muốn.
- h) Đánh giá được mức độ xảy ra của phản ứng hóa học và điều chỉnh chiều của các quá trình hóa học và hóa lý theo hướng mong muốn.

- i) Giải thích được bản chất của dung dịch phân tử, dung dịch điện ly và các tính chất đặc trưng của chúng. Tính toán và điều khiển các cân bằng trong dung dịch điện ly.
- j) Giải thích được bản chất và khả năng ứng dụng của các quá trình chuyển hóa tương hỗ giữa hóa năng và điện năng.

## II.2. Giảng dạy và học tập học phần Hóa đại cương

### a) Giảng dạy

Thuận lợi:

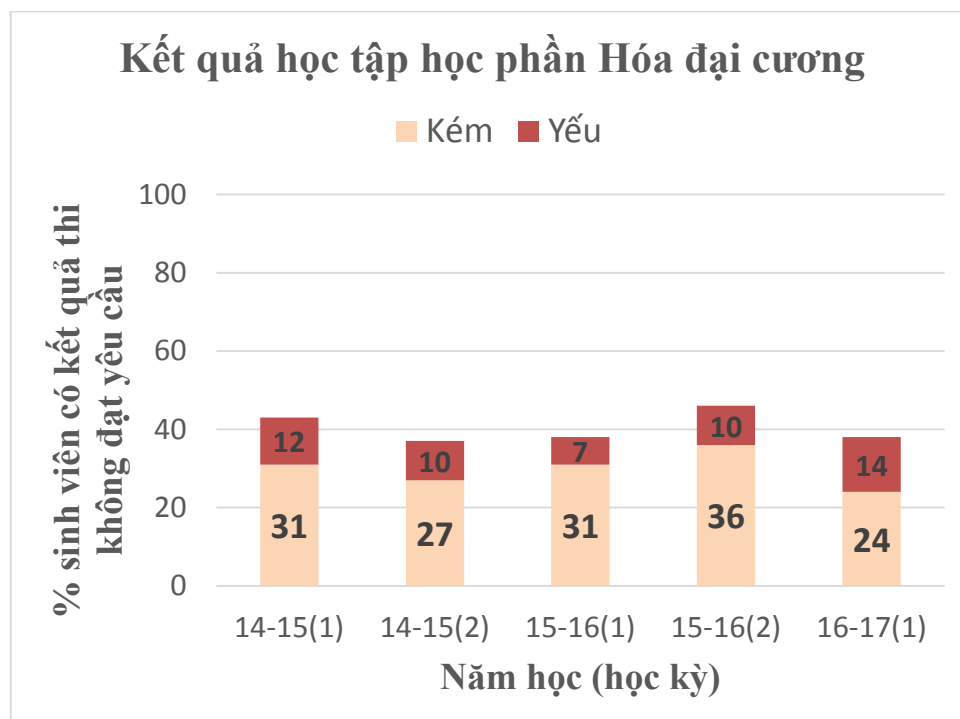
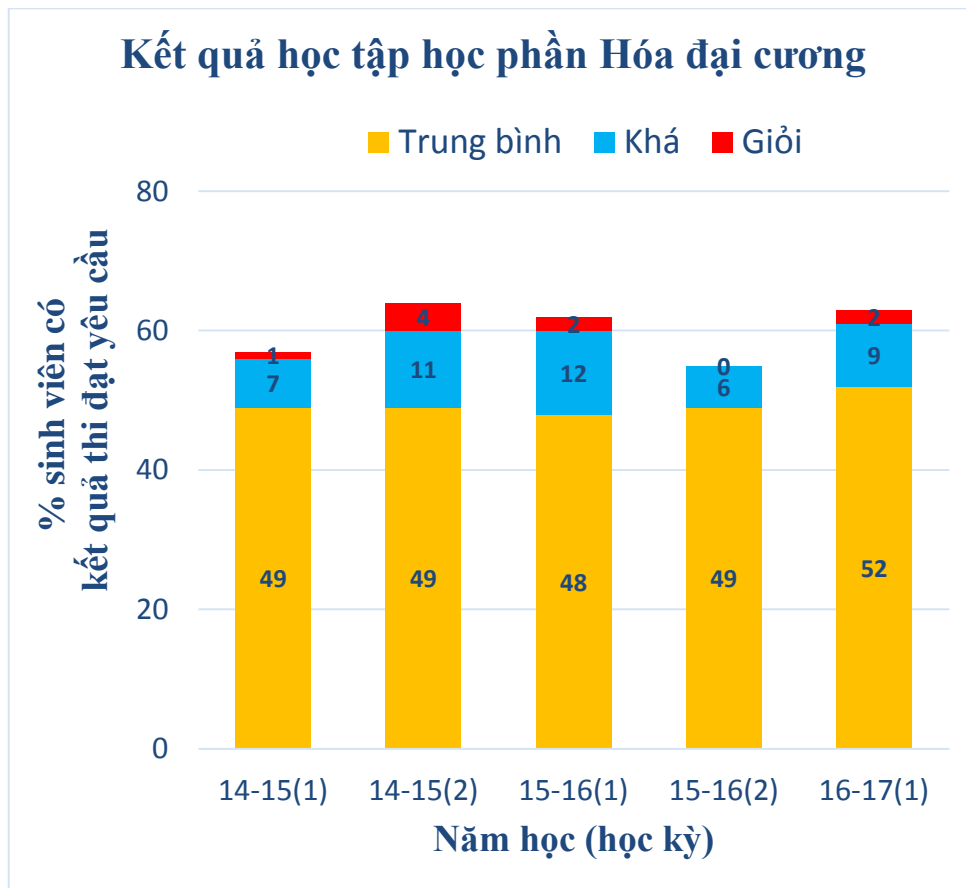
- Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy học phần Hóa đại cương có chuyên môn vững vàng (5 tiến sĩ và 2 thạc sĩ), được đào tạo bài bản, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình.
- Cơ sở vật chất phục vụ và hỗ trợ giảng dạy tốt.
- Tài liệu phục vụ cho giảng dạy đầy đủ.
- Sự quan tâm của Nhà trường.

Khó khăn:

- Khối lượng kiến thức của học phần rất lớn và rộng trong khi thời lượng dành cho học phần lại hạn chế (K57 trở về trước là 2TC, bắt đầu từ K58 là 3 TC) do đó người dạy luôn chịu áp lực về thời gian.
- Sĩ số lớp đông nên việc triển khai các phương pháp giảng dạy tích cực và việc đánh giá quá trình học tập gặp nhiều khó khăn.
- Học phần được giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất còn bỡ ngỡ với môi trường học tập mới và chưa có thói quen tự học, tự nghiên cứu nên khó khăn cho người dạy khi triển khai phương pháp giảng dạy theo cơ chế tín chỉ (sinh viên làm trung tâm, lấy việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên làm chủ đạo)

### b) Học tập

Kết quả học tập của sinh viên đối với học phần Hóa đại cương trong những năm học gần đây đã được Phòng đào tạo thống kê và được thể hiện trên 2 đồ thị sau:



Thông kê cho thấy rằng, trung bình chỉ có khoảng 60% sinh viên có kết quả đạt yêu cầu (điểm trung bình trên 5,0). Trong đó, số sinh viên có kết quả học tập xếp loại trung bình (5,0 – 7,0 điểm) chiếm khoảng 50%. Số sinh viên có kết quả học tập đạt loại khá, giỏi rất thấp, chỉ chiếm khoảng 10%.

Số sinh viên có kết quả học tập không đạt yêu cầu (dưới 5,0 điểm) chiếm 40%. Trong đó, sinh viên có kết quả học tập kém (dưới 4,0 điểm) chiếm tỉ lệ cao, từ 24% đến 36%.

Đánh giá một cách tổng thể, kết quả học tập của sinh viên đối với học phần Hóa đại cương không cao. Đặc biệt, số lượng sinh viên có kết quả học tập kém là đáng báo động.

**Nguyên nhân:**

- Sinh viên thờ ơ với các học phần đại cương và thiếu động lực học tập.

Sinh viên chưa nhận thức đúng đắn vai trò của các học phần đại cương. Sinh viên học những môn chưa thấy liên quan đến chuyên ngành, chưa thấy phục vụ trực tiếp cho công việc sau này thì đều cho là không quan trọng nên không có động lực học tập.

Một cuộc khảo sát được thực hiện ở một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: cứ mười sinh viên được hỏi thì bốn sinh viên nói không muốn học những môn học đại cương trong chương trình đại học nếu được lựa chọn<sup>[4]</sup>.

Trường	Theo bạn, việc học đại cương có cần thiết không?		Nếu được lựa chọn, bạn có chọn học những môn đại cương hay không?	
	Cần thiết	Không cần thiết	Có	Không
ĐH Khoa học xã hội và nhân văn (ĐH Quốc gia TP.HCM)	80%	20%	60,7%	39,3%
ĐH Khoa học tự nhiên (ĐH Quốc gia TP.HCM)	84,2%	15,8%	50,5%	49,5%
ĐH Tài chính - marketing	83,7%	16,3%	61,6%	38,4%
ĐH Kỹ thuật công nghệ TP.HCM	72,7%	27,3%	46%	54%

- Năng lực đầu vào của sinh viên hạn chế

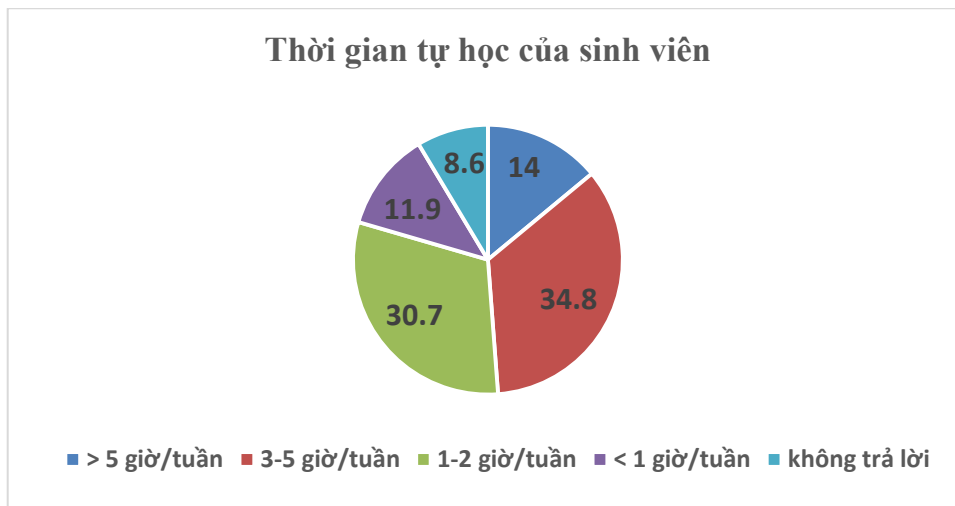
Theo thống kê những năm qua điểm chuẩn đầu vào các ngành của ĐH Nha Trang chỉ từ 15 – 17 điểm. Như vậy có thể thấy kiến thức phổ thông của sinh viên chỉ



ở mức trung bình và trung bình khá. Trong khi đó để tiếp thu được kiến thức của học phần Hóa đại cương thì đòi hỏi người học phải có kiến thức cơ bản về hóa học, toán, vật lý phổ thông tương đối vững vàng. Thực tế giảng dạy cho thấy rằng, số lượng và mức độ sinh viên bị mất căn bản về kiến thức hóa học, toán và vật lý phổ biến ở mức đáng báo động. Do đó, sinh viên rất khó khăn trong việc tiếp thu bài giảng. Trong khi đó giáo viên cũng không có thời gian để bổ túc lại kiến thức phổ thông cho sinh viên. Đây có thể xem là lí do chính tạo ra cảm giác chán nản, tự ti của sinh viên và có thể làm cho nhiều sinh viên buông xuôi.

- *Ý thức tự học của sinh viên còn thấp*

Phương thức đào tạo theo tín chỉ lấy người học làm trung tâm trong quá trình dạy và học, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học. Trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được coi trọng, được tính vào nội dung và thời lượng của chương trình. Người học tự học, tự nghiên cứu, giảm sự nhồi nhét kiến thức của người dạy, và do đó, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học. Người học là người tiếp nhận kiến thức nhưng đồng thời cũng là người chủ động tạo kiến thức, hướng tới đáp ứng những nhu cầu của thị trường lao động ngoài xã hội. Trong những năm học qua, đội ngũ giáo viên không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp với đào tạo tín chỉ. Giáo viên nêu vấn đề, gợi mở và yêu cầu sinh viên phải đọc tài liệu, tự nghiên cứu sau đó thảo luận và đi đến kiến thức cần tích lũy. Tuy nhiên thực tế cho thấy rằng, ý thức tự học, tự nghiên cứu của sinh viên rất thấp. Sinh viên hầu như không đọc thêm tài liệu mà giáo viên giới thiệu và yêu cầu đọc, thậm chí còn không xem lại bài học và làm bài tập giáo viên cung cấp. Tại ĐH Nha Trang chưa có một khảo sát nào về vấn đề tự học của sinh viên. Tham khảo kết quả khảo sát tại ĐH KHXH&NV TPHCM cho thấy thời gian mà sinh viên dành cho tự học rất ít. Phần lớn chỉ dành thời gian dưới 5 giờ/tuần tự học<sup>[5]</sup>.



- Sinh viên chưa có kế hoạch học tập hợp lý

Học phần Hóa đại cương với lượng kiến thức nhiều và rộng, thời gian học lại kéo dài, sinh viên có tâm lý để bài vở đến khi thi mới học nên rất khó để ôn tập và nắm vững hết toàn bộ kiến thức của môn học. Chính vì vậy kết quả thi cuối học kỳ không cao.

### III. GIẢI PHÁP

#### 1. Về nội dung chương trình

- Xây dựng đề cương học phần có khối lượng kiến thức phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại cương, với thời lượng của học phần và trình độ người học. Trong năm học 2015-2016 tổ cập nhật chương trình đã xây dựng lại ĐCHP của học phần Hóa đại cương trên cơ sở tham khảo ĐCHP của một số trường đại học nhất là các trường thuộc khối nông lâm ngư và theo góp ý của Ban phát triển chương trình giáo dục đại cương, các thầy cô đại diện cho các ngành đào tạo.
- Tăng cường giới thiệu các ứng dụng/vận dụng liên quan của học phần đối với các chuyên ngành. Giáo viên trong quá trình giảng dạy cho các lớp sinh viên thuộc các ngành khác nhau cần liên hệ những kiến thức của học phần với thực tế và ứng dụng vào chuyên ngành mà sinh viên theo học nhằm giúp sinh viên thấy được vai trò môn học và làm tăng thêm động lực và hứng thú cho sinh viên
- Tiến đến xây dựng nội dung học phần phục vụ theo nhóm ngành.

#### 2. Về tổ chức, quản lý giảng dạy

- Quản lý nghiêm túc việc tham gia lớp học của sinh viên theo đúng quy định của Nhà trường.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá và khuyến khích việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.
- Giáo viên tăng cường thời gian hướng dẫn giải bài tập, giải đáp thắc mắc tại lớp. Đối với học phần Hóa đại cương, thông qua việc giải bài tập sinh viên dễ dàng hiểu bài và tiếp thu kiến thức vì vậy cần dành thêm thời gian cho việc này.
- Tăng cường hoạt động trợ giảng để giúp sinh viên học tập tốt hơn. Có thể cho những sinh viên có kết quả học tập cao tham gia công tác trợ giảng.

### **3. Về hoạt động kiểm tra đánh giá người học**

- Việc đánh giá quá trình cần được tiến hành một cách nghiêm túc. Đối với học phần Hóa đại cương 3 tín chỉ, theo quy định có 3 bài kiểm tra quá trình. Nếu các bài kiểm tra này được tổ chức tốt thì có thể giảm bớt nội dung và áp lực cho bài thi cuối học kỳ. Tuy nhiên, việc tổ chức kiểm tra gặp khó khăn do sĩ số lớp đông nên khó đảm bảo tính nghiêm túc và công bằng. Nhà trường cần có cơ chế hỗ trợ để giáo viên tổ chức các bài kiểm tra tốt hơn (trong bảng điểm cần có đầy đủ các cột điểm của các bài kiểm tra, bố trí phòng và cán bộ hỗ trợ tổ chức kiểm tra...).
- Tổ chức thi chung đề (trong cùng nhóm ngành) để đảm bảo mặt bằng chất lượng chung. Đề thi đảm bảo tính vừa sức, tính phân loại, đánh giá được các kiến thức căn bản.
- Thống nhất tỷ lệ điểm đánh giá quá trình chiếm 50%

### **4. Về tài liệu học tập**

- Tăng cường sử dụng các tài liệu tham khảo có uy tín.
- Tổ chức biên soạn các loại tài liệu hướng dẫn: bộ câu hỏi ôn tập, hướng dẫn ôn tập, hướng dẫn giải bài tập, ngân hàng đề thi...

### **5. Về hoạt động hỗ trợ người học**

- Bổ sung thời gian ôn tập cuối kỳ dành cho sinh viên có nhu cầu. Trong học kỳ 1 năm học 2016-2017, bộ môn đã tổ chức một số buổi ôn tập vào cuối tuần. Tuy

nhiên số lượng sinh viên tham gia rất ít. Vì vậy cần đẩy mạnh tuyên truyền hơn nữa để sinh viên tham gia ôn tập có hiệu quả.

- Giáo viên bố trí thời gian ngoài giờ lên lớp để hỗ trợ sinh viên học tập, giải đáp thắc mắc. Đây là hoạt động có trong nội dung giảng dạy theo học chế tín chỉ. Hoạt động này sẽ tiếp tục được duy trì và khuyến khích sinh viên tích cực trao đổi thêm với giáo viên.
- Cố vấn học tập cần tăng cường hướng dẫn sinh viên cách thức và hỗ trợ về phương pháp học tập, nhất là đối với sinh viên năm thứ nhất.

#### **6. Về hoạt động hỗ trợ giảng viên**

- Tăng cường sinh hoạt học thuật cấp bộ môn về nội dung cải tiến PPGD, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, đánh giá, hỗ trợ người học.
- Tăng cường hoạt động dự giờ, góp ý giờ giảng.
- Phòng chức năng tăng cường lấy ý kiến phản hồi của sinh viên để giáo viên kịp thời khắc phục những hạn chế trong giảng dạy và nắm bắt được nguyện vọng của sinh viên.

#### **IV. KẾT LUẬN**

Cùng với sự quyết tâm của Nhà trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và chất lượng đào tạo giáo dục đại cương nói riêng, bộ môn Hóa với nhiệm vụ giảng dạy các học phần Hóa đại cương và cơ sở trong thời gian qua đã không ngừng nỗ lực để nâng cao chất lượng giảng dạy và từ đó nâng cao kết quả học tập của sinh viên. Tuy nhiên, trong những năm học vừa qua kết quả học tập của sinh viên đối với học phần Hóa đại cương chưa cao. Chúng tôi đã phân tích và tìm ra những nguyên nhân cơ bản để từ đó đề ra các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng này. Với sự quan tâm sát sao của Nhà trường và sự quyết tâm của thầy cô bộ môn, chúng tôi tin tưởng rằng trong thời gian tới, kết quả học tập của sinh viên đối với học phần Hóa đại cương sẽ được cải thiện tốt hơn.

#### **Tài liệu tham khảo**

[1] Luật giáo dục đại học

[2] Bài giảng “*Thiết kế và đánh giá chương trình giáo dục*”, GS Nguyễn Đức Chính

[3] Chương trình khối giáo dục đại cương ĐH Nha Trang (ban hành kèm theo QĐ số 439/QĐ-ĐHNT, ngày 10 /06/2016 của Hiệu trưởng trường ĐHNT)

[4] <http://tuoitre.vn/tin/nhip-song-tre/20120929/tho-o-voi-mon-hoc-dai-cuong/513639.html>

[5] Nhận diện thực trạng dạy và học tại trường ĐH KH&NV TP HCM, TS Tô Minh Thanh

# ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG TRONG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN KỸ NĂNG MỀM

*ThS. Huỳnh Phương Duyên*

*Bộ môn KHXH & NV – Khoa Khoa học Chính trị*

## Tóm tắt

Trong bối cảnh hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ, với mong muốn gắn kết kiến thức trong nhà trường với nhu cầu xã hội, phương pháp học tập phục vụ cộng đồng là một trong những công cụ sư phạm hiệu quả đã được ứng dụng ở nhiều nước trên thế giới và đang lan rộng sang các nước châu Á. Báo cáo với mục đích giới thiệu và chia sẻ cách thức áp dụng phương pháp học tập phục vụ cộng đồng vào hoạt động giảng dạy các học phần kỹ năng mềm nói riêng và các học phần khác trong chương trình đào tạo nói chung, nhằm tạo ra một thế hệ sinh viên có đầy đủ năng lực để sau khi ra trường có khả năng phục vụ cộng đồng.

### I. Đặt vấn đề

Đối với Trường Đại học Nha Trang, kết quả học tập của sinh viên luôn là mối quan tâm hàng đầu, vì đây là một trong những yếu tố quyết định chất lượng đào tạo và thương hiệu của Trường. Các học phần kỹ năng mềm<sup>1</sup> có một vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo các yêu cầu về chuẩn đầu ra đối với sinh viên của nhà trường hiện nay. Và, để đảm bảo chất lượng đào tạo đó, trong giới hạn của bài viết này, tác giả giới thiệu một trong những phương pháp giảng dạy cải tiến hiện nay, giúp sinh viên học tập chủ động (*active learning*) và trải nghiệm (*experiential learning*) để đạt được các mục tiêu môn học cũng như đáp ứng được các yêu cầu của xã hội, đó là *Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (service learning)*.

Nghiên cứu “*Ứng dụng phương pháp học tập phục vụ cộng đồng trong quá trình giảng dạy các học phần kỹ năng mềm*” mong muốn người học được đặt vào những tình huống của đời sống thực tế, được trải nghiệm, được trực tiếp quan sát, thảo luận, giải quyết vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ của mình, vừa thông qua làm việc cá nhân,

---

<sup>1</sup> Kỹ năng mềm được hiểu là tất cả các kỹ năng giúp con người tư duy và tương tác với với nhau, chủ yếu là những kỹ năng thuộc về tính cách con người, không mang tính chuyên môn cao, bao gồm: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng thuyết trình,....

vừa phải làm việc theo nhóm, từ đó đạt được kiến thức mới, kỹ năng mới, phát huy tiềm năng sáng tạo, tạo thêm niềm yêu thích trong học tập và hướng đến phục vụ được trong cộng đồng.

## **II. Ứng dụng phương pháp học tập phục vụ cộng đồng trong việc giảng dạy các học phần kỹ năng mềm**

### **1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (PPHTPVCD)**

2. Học tập phục vụ cộng đồng (tên tiếng Anh là Service Learning hoặc Community-based learning) đã có từ năm những năm 1960 tại Mỹ (Jacoby, 1996). Service-Learning (SL) là một phương pháp dạy và học mà thông qua đó người học áp dụng được những kiến thức học được trong lớp vào điều kiện thực tế, đồng thời kết quả của quá trình học đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và được cộng đồng sử dụng.

Như vậy, phương pháp học tập phục vụ cộng đồng là:

- Một phương pháp vừa dạy và vừa học;
- Một hình thức phục vụ cộng đồng;
- Một dạng học tập dựa trên kinh nghiệm;
- Kết hợp hoạt động cộng đồng với học thuật; áp dụng kinh nghiệm hoạt động như một đề mục giảng dạy.

PPHTPVCD được xem là một chiến lược phát triển bền vững của các trường ĐH tại Hoa Kỳ và đang dần dần ảnh hưởng sang các trường đại học khác tại châu Á. Phương pháp là sự phối hợp làm việc, hợp tác trên cơ sở các mối quan hệ của 4 thành phần tham gia là: nhà quản lý trường học (*Administrator*), giảng viên (*Faculty*), cộng đồng (*Community Partner*) và sinh viên (*Student*). Ưu điểm của PPHTPVCD là giúp người học làm phong phú kiến thức của mình từ lý thuyết đến thực tế và ngược lại (*bring books to life and life to books*), quá trình học này thông qua trải nghiệm nên người học có điều kiện tăng cường kiến thức học thuật, rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm như tư duy suy xét, phản biện (*critical thinking*), làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình và các kỹ năng sống (Hình 1).



*Hình 1. Học tập phục vụ cộng đồng trong mối quan hệ giữa hoạt động học và phục vụ<sup>2</sup>*

Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng được thực hiện theo các bước như sau:

- (1) Cộng đồng nêu vấn đề cần giải quyết;
- (2) Giảng viên lồng ghép các vấn đề cộng đồng cần giải quyết vào môn học như là đề tài thực tập của sinh viên. Điều quan trọng cần lưu ý là các đề tài này phải phù hợp với nội dung môn học, trình độ và kỹ năng của sinh viên;
- (3) Sinh viên được tổ chức thành nhóm thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Khi thực hiện đề tài, sinh viên phải vận dụng các kiến thức của môn học để cùng cộng đồng giải quyết các vấn đề;
- (4) Kết quả của đề tài được cộng đồng sử dụng.

Phương pháp này có thể giúp đạt được chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO<sup>3</sup> như: Vai trò và trách nhiệm đối với xã hội; Nhận biết được bối cảnh các tổ chức xã hội; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời, Tư duy suy xét; Làm việc nhóm; Kỹ năng giao tiếp bằng văn viết và thuyết trình.

### **3. Giới thiệu một số kết quả ứng dụng PPHTPVCD tại Hội An – Quảng Nam**

Đây là sản phẩm của một số sinh viên tham gia Dự án Đại học Không Giảng Đường (Do Tổ chức phi chính phủ Ireland trợ) có ứng dụng phương pháp học tập phục vụ cộng đồng. Mỗi năm tổ chức này có 3 khóa học: mùa xuân, mùa hè và mùa đông.

<sup>2</sup> Dựa theo sơ đồ của Trường Miami-Dade College,  
[Http://www.mdc.edu/cci/servicelearningoverview.asp](http://www.mdc.edu/cci/servicelearningoverview.asp)

<sup>3</sup> CDIO là viết tắt của cụm từ tiếng Anh Conceive – Design – Implement – Operate, nghĩa là: Hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành. Đây là một giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội trên cơ sở xác định chuẩn đầu ra để thiết kế chương trình và phương pháp đào tạo theo một quy trình khoa học.



Tác giả đã có cơ hội tham gia vào học kỳ hè với 3 chủ đề về: nông nghiệp hữu cơ, kiến trúc bền vững và du lịch bền vững. Thời gian học: 3 tuần.

### **3.1 Cách thức triển khai hoạt động**

- (1) Sinh viên được phân vào các nhóm chủ đề theo nguyện vọng;
- (2) Tất cả các nhóm sẽ trải qua 03 tuần học: tuần đầu tiên: học về lý thuyết; tuần thứ hai: đi thực tế và tuần thứ ba: báo cáo kết quả chuyến đi.
- (3) Các giảng viên tự liên hệ hoặc nhờ sự hỗ trợ của các tổ chức dân sự xã hội của địa phương để kết nối giữa nhà trường và cơ sở thực tế.
- (4) Sinh viên đến thăm các cơ sở và được chủ các cơ sở này cung cấp những thông tin liên quan đến hoạt động của họ (Sinh viên có thể chủ động sắp xếp thời gian).
- (5) Sau khi tham quan, sinh viên lựa chọn một vấn đề mà mình cảm thấy tâm đắc, mang lại nhiều giá trị cho bản thân, xã hội và trình bày trước lớp.
- (6) Các sản phẩm này được tập hợp lại, tạo thành một chuỗi giá trị để lan tỏa cho cộng đồng.

### **3.2 Giới thiệu một số sản phẩm từ nhóm du lịch bền vững**

#### **❖ Trường hợp: Nhà Hàng An Gia**

- **The Story of Cassava Noodle (Câu chuyện về món Bún sắn)**
- Được viết bởi : Mealea (Sinh viên Campuchia)
- Ý nghĩa: bảo tồn ẩm thực địa phương.



Cassava is a crop of the poor, and occupies mainly agriculturally marginal environments. These and other features endow it with a special capacity to contribute to food security, equity, poverty alleviation, and environmental protection.

This is the local food ( Cassava Noodle ) in An Gia Slow food Slow life restaurant. It's not a popular in the area. Due to they want to promote and restore their culture value so they try to buy everything direct from the local people to cook this food.

*Dịch:*

*Sắn là một loại cây trồng của người nghèo, và được trồng chủ yếu ở địa phương này. Những đặc điểm này và các tính năng khác mang lại cho nó tính năng đặc biệt để đóng góp cho an ninh lương thực, công bằng, giảm nghèo và bảo vệ môi trường.*

*Đây là món ăn địa phương (mì sắn) trong nhà hàng An Gia. Nó không phải là phổ biến trong khu vực. Vì họ muốn quảng bá và khôi phục giá trị văn hoá của họ nên họ cố gắng mua mọi thứ trực tiếp từ người dân địa phương để nấu thức ăn này.*

#### ❖ **Trường hợp: Cơ sở lưu trú Hippie**

##### - **The Story of the Wooden Box (Câu chuyện về những hộp gỗ)**

- Được viết bởi : Tan (sinh viên Lào)

- Ý nghĩa: bảo tồn văn hóa bản địa

This is a box in Hippie House. It's a fisherman box that was discarded on the beach and brought to the house. The Hippie house had an idea to REUSE the box. They cleaned and polished it, and then turned it into a small shelf for stationary items.

*Dịch:*

*Đây là một hộp gỗ trong cơ sở lưu trú Hippie. Đó là một chiếc hộp của người đánh cá bỏ lại trên bãi biển, họ đã nhặt được và mang về nhà. Họ đã có ý tưởng Tái sử dụng hộp. Họ làm sạch và đánh bóng nó, và sau đó biến nó thành một vật trang trí trong ngôi nhà.*

#### ❖ **Trường hợp: Reaching out (Cơ sở sản xuất mỹ nghệ của người Khuyết tật)**

##### - **Câu chuyện về quản lý thời gian**

- Được viết bởi: Phụng

- Ý nghĩa: trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp



- Người lao động được hưởng chế độ làm việc, nghỉ ngơi theo luật Lao động.
- Phòng trà của cơ sở được nghỉ vào chủ nhật và mở cửa trở (từ 10h sáng) vào thứ 7.



- Nghỉ phép tùy theo tình trạng sức khỏe.
- Nghỉ tết, các ngày quốc lễ trong năm;
- Nghỉ cuối tuần.

#### **4. Một số vấn đề lưu ý khi triển khai PPHTPVCD trong quá trình giảng dạy các học phần kỹ năng mềm tại trường Đại học Nha Trang hiện nay**

##### **❖ Phát huy vai trò của giảng viên trong việc đảm bảo vấn đề lợi ích của người học**

Trong quá trình giảng dạy kỹ năng mềm, phương pháp này có khá nhiều ưu điểm trong việc rèn luyện cho sinh viên nhiều kỹ năng để phát triển bản thân: hiểu được vai trò và trách nhiệm đối với xã hội, rèn luyện kỹ năng thuyết trình, thuyết trình, làm việc nhóm, tổng hợp thông tin,...; cùng với điều kiện về học chế tín chỉ: PPHTPVCD còn cho phép sinh viên sử dụng kép thời gian để vừa học kiến thức vừa thực hành kỹ năng.

Chính vì vậy, vai trò của các giảng viên hướng dẫn là phải tạo ra được các cơ hội học tập thông qua các hoạt động đa dạng, kích thích sinh viên khám phá, áp dụng và

đánh giá ý tưởng hơn là truyền đạt kinh nghiệm một chiều. Tuy nhiên, tùy thuộc vào cách thức tổ chức mà lợi ích mang lại có thể ít hoặc nhiều hơn.

#### ❖ **Tiến hành song song với một số phương pháp học tập khác**

Mỗi một phương pháp giảng dạy đều nhấn mạnh lên một khía cạnh nào đó của quá trình học tập. Chúng tôi cho rằng, cho dù các phương pháp thể hiện hiệu quả như thế nào thì nó vẫn tồn tại một vài khía cạnh mà người học và người dạy chưa khai thác hết. Chính vì thế, không có một phương pháp giảng dạy nào được cho là lý tưởng. Mỗi một phương pháp đều có ưu điểm của nó do vậy người thầy nên xây dựng cho mình một phương pháp riêng phù hợp với mục tiêu, bản chất của vấn đề cần trao đổi, phù hợp với thành phần nhóm lớp học, các nguồn lực, công cụ dạy-học sẵn có.

Trong quá trình ứng dụng có thể kết hợp song song các phương pháp học tập khác để có thể mang lại nhiều lợi ích như: *học dựa vào dự án, mô phỏng, phương pháp nghiên cứu tình huống, có thể đồng thời sử dụng phương pháp động não và làm việc nhóm,..*

#### ❖ **Áp dụng các phương pháp cần tính tới điều kiện tổ chức lớp học**

PPHTPVCD tỏ ra hiệu quả đối với các lớp học ít người, chừng khoảng 30 – 40 sinh viên. Khi triển khai các phương pháp này tại các lớp học đông hơn cần có những giúp đỡ của trợ giảng. Hoặc lên kế hoạch cụ thể, chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ và thực hiện theo hình thức cuốn chiếu hoặc người đi trước truyền đạt lại cho người đi sau, nhằm tận dụng nhân lực sẵn có và có kinh nghiệm để đảm bảo kế hoạch giảng dạy phù hợp với thời gian đào tạo.

#### ❖ **Tìm kiếm đối tác**

Đối với các hoạt động tổ chức bên ngoài lớp học như phương pháp học tập phục vụ cộng đồng, việc tìm kiếm các đối tác để huấn luyện, truyền đạt kinh nghiệm và hỗ trợ trong quá trình triển khai phương pháp có ý nghĩa quan trọng trong việc nhân rộng phương pháp cho nhiều học phần. Hiện nay, các đối tác của phương pháp này chủ yếu là các tổ chức phi chính phủ, trường học, tổ chức dân sự - xã hội tại địa phương.

+ Dự án Đại học Không Giảng đường: là một chương trình học thông qua trải nghiệm cho sinh viên các trường Đại học, do Trung tâm Hành động vì sự phát triển đô thị (Action center for city developmennt – ACCD) thực hiện với sự tài trợ của Đại sứ quán Ai – len. Từ năm 2015, Đoàn trường Nha Trang cũng đã nhiều lần tham gia các khóa học của dự án.

Địa chỉ: Hội An, Quảng Nam.

+ Trung tâm Service learning Đại học Hoa sen – Đây là trung tâm đầu tiên tại Việt Nam có nhiệm vụ phát triển mô hình Học tập phục vụ cộng đồng một cách toàn diện thông qua các chương trình đào tạo bậc đại học.

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh

+ Trung tâm Học tập và Phát triển cộng đồng Việt (Tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Viet Learning and Community Development Center. Viết tắt là VLCDC) là tổ chức khoa học trực thuộc Hội Tư vấn Khoa học công nghệ và Quản lý TP.HCM (HASCON) được thành lập vào ngày 12/12/2012. Nhằm mục đích thu hút sự đầu tư nguồn lực, năng lực chuyên môn của các tổ chức, cá nhân, các nhà khoa học, doanh nhân trong nước, các tổ chức và cá nhân người nước ngoài vào việc tư vấn, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và thực hiện các chương trình phúc lợi con người tại Việt Nam.

Địa chỉ: 43/1C Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Nha Trang.

#### ❖ **Áp dụng các phương pháp để tổ chức các hoạt động ngoại khóa**

Các kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy, hiện nay sinh viên có nhu cầu rất lớn về việc tham gia các hoạt động ngoại khóa được giảng viên tổ chức trong quá trình học tập<sup>4</sup>. Thêm vào đó, đặc thù các học phần Kỹ năng mềm giảng dạy chủ yếu giúp sinh viên phát huy khả năng tư duy và tương tác với với nhau, là những kỹ năng thuộc về tính cách con người, không mang tính chuyên môn cao, bao gồm: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng thuyết trình,...Chính vì vậy, phương pháp này rất phù hợp để kết hợp với hoạt động giảng dạy các học phần kỹ năng mềm nói riêng và các học phần khác nói chung.

## **5. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT**

### **5.1 Kết luận**

Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng nếu được ứng dụng sẽ giúp sinh viên tiếp cận thực tế, hòa hợp vào một cộng đồng nhất định, không hẳn là cộng đồng dân cư đơn thuần. Nó có thể được áp dụng trong một môn học bắt buộc hoặc gắn với các hoạt động ngoại khóa. Giảng viên đánh giá sinh viên bằng sự kết hợp giữa quá trình tích lũy

---

<sup>4</sup> Huỳnh Phương Duyên, Báo cáo tại Hội thảo Bộ môn XHNV, thực trạng tổ chức dạy học ngoại khóa các học phần kỹ năng mềm dành cho sinh viên tại Trường Đại Học Nha Trang,

lý thuyết và sản phẩm mà sinh viên đó đem lại cho cộng đồng, cũng như những phản hồi từ chính cộng đồng đó.

Thông qua những bài học thực tiễn được rút ra từ các hoạt động cộng đồng, mô hình này không chỉ mang lại lợi ích phát triển cho mỗi cá nhân, xây dựng môi trường học tập chuyên nghiệp mà còn góp phần vào sự thay đổi lớn cho cộng đồng.

## 5.2 Đề xuất

- Về phía Nhà trường

+ Cần tạo điều kiện về cơ sở pháp lý để: giảng viên thuận tiện trong việc kết nối với các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân bên ngoài.

+ Bố trí cán bộ hỗ trợ các hoạt động cộng đồng.

- Về phía Khoa và Bộ môn:

+ Quan tâm đến việc lồng ghép phương pháp này trong quá trình giảng dạy: thiết kế lại chương trình giảng dạy, phân bổ số tiết học lý thuyết và thực hành hợp lý.

+ Các giảng viên giảng dạy các học phần kỹ năng mềm thống nhất một cách thức áp dụng và triển khai một cách đồng bộ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thành Hải, Phùng Thúy Phượng, Đồng Thị Bích Thủy, *Giới thiệu một số phương pháp giảng dạy cải tiến giúp sinh viên học tập chủ động và trải nghiệm, đạt các chuẩn đầu ra theo CDIO*.
2. Phùng Thúy Phượng (2008), *Học tập phục vụ cộng đồng – phương pháp dạy và học cải tiến tại trường ĐH KHTN TP HCM*, Hội thảo khoa học “Tính chủ động của tư duy, phương pháp và tinh thần đại học” – ĐH Hoa Sen TP HCM.
3. Jacoby B. (1996), *Service-Learning in Today's Higher Education*. In: Barbara Jacoby and Associates (Eds.), *Service-Learning in Higher Education: Concepts and Practices*, San Francisco CA: Jossey-Bass.

4. Huỳnh Phương Duyên, Báo cáo tại Hội thảo Bộ môn XHNV, *Thực trạng tổ chức dạy học ngoại khóa các học phần kỹ năng mềm dành cho sinh viên tại Trường Đại Học Nha Trang*, tháng 3/2017.
5. *Giới thiệu về CDIO*, <http://neoedu.fpt.edu.vn/ngan-gon-ve-cdio/>

# SINH VIÊN NĂM NHẤT VÀ NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA

*Trần Trương Thy Thơ*

*Phòng Đảm bảo Chất lượng & Thanh tra*

## **I. Đặt vấn đề :**

Sinh viên năm nhất, một bước ngoặt lớn trong cuộc đời, niềm vui, sự tự hào, sự đền đáp một cách xứng đáng sau bao nhiêu ngày tháng đèn sách miệt mài. Nhưng đó chỉ là sự bắt đầu cho những khó khăn đang chờ đợi phía trước, khi mà các em chập chững vào đời với hành trang ít ỏi. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức không nhỏ cho thế hệ tân sinh viên, những chủ nhân của đất nước sau này. Bài viết này sẽ đề cập đến những khó khăn và thách thức đặt ra cho tân sinh viên đồng thời cũng đưa ra các hướng giúp đỡ, giải quyết khó khăn mà các giảng viên, trường đại học cần làm.

## **II. Các yếu tố ảnh hưởng và các hướng giải quyết :**

### ***1/ Học thiếu hiệu quả do chưa tìm ra phương pháp học tập phù hợp :***

Trước tiên phải kể đến việc học tập thiếu hiệu quả do các em vẫn chưa tìm ra phương pháp học tập phù hợp. Khi ở bậc THPT, việc học của các em chủ yếu là do giảng viên dẫn dắt nhiều hơn, điều này hoàn toàn khác xa so với môi trường đại học. Đồng thời học đại học giờ đây theo phương pháp tín chỉ, phương pháp này đòi hỏi sinh viên phải tự giác, tự lập, tự học là chủ yếu, giảng viên chỉ là người hướng dẫn, đánh giá. Điều này gây ra sự hụt hẫng lớn trong sinh viên, từ đó dẫn đến tâm lý trì trệ, chán nản, dần dần mất phương hướng trong việc học và lười học là điều chắc chắn sẽ xảy ra. Thêm vào đó, tâm lý “nghỉ xả hơi” sau bao năm vất vả đèn sách, tâm lý “đại học” là “học đại” của một đại bộ phận sinh viên cũng góp phần gây ra tình trạng chung này. Để giúp đỡ sinh viên năm nhất tránh rơi vào tình trạng này thì các trường, mà chủ yếu là các giảng viên cần tiếp cận sinh viên ngay từ những bước đầu đặt chân vào môi trường đại học. Khi đã thành lập lớp, cần tổ chức các buổi sinh hoạt, gặp gỡ trò chuyện thân mật giữa giảng viên với sinh viên, thành lập các nhóm học tập nhằm tìm hiểu cụ thể tâm lý bước đầu của các em để từ đó giới thiệu về môi trường đại học, hướng dẫn các cách học đại học nhằm giảm bớt tâm lý hoang mang ban đầu cho sinh viên. Khi đã tạo dựng được mối quan hệ thân thiết giữa giảng viên và sinh viên thì các em sẽ cởi



mở hơn, sẵn sàng chia sẻ các khó khăn, thắc mắc trong học tập điều này sẽ giúp cho giảng viên dễ dàng định hướng hơn cho các em trong tương lai.

### ***2/ Ảnh hưởng từ môi trường và bạn bè không tốt :***

Môi trường và bạn bè ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành nhân cách con người và đối với sinh viên cũng vậy, nhất là sinh viên năm nhất. Vừa rời xa ghế nhà trường, xa sự quản lý chặt chẽ của gia đình, các em dễ đua đòi theo bạn bè sa ngã vào các tệ nạn xã hội nếu không được định hướng cụ thể ngay từ ban đầu. Khi lên đại học, ảnh hưởng của bạn bè xung quanh là vô cùng lớn vì lúc này không có gia đình, người thân bên cạnh nên bạn bè là những người quan trọng đối với các em trong cuộc sống. Nhiều sinh viên biết tự nhận ra việc học là quan trọng hàng đầu tuy nhiên vẫn còn nhiều em khó lòng vượt qua nổi “chướng ngại vật” bạn bè. Các hoạt động đi chơi, đi phượt, đi tình nguyện... quá nhiều làm cho các em rơi vào vòng quay của sự bận rộn mà quên mất đi nhiệm vụ hàng đầu. Ban đầu các em chỉ nghĩ đơn giản là cần hưởng thụ sau những ngày tháng căng thẳng áp lực của các kỳ thi nhưng dần dần dẫn đến sự mất cân bằng giữa việc học và bạn bè và từ đó sẽ không thể bắt kịp được guồng quay học tập. Để giúp sinh viên năm nhất học cách cân bằng giữa việc học và việc chơi, Nhà trường nên chủ động tìm hiểu tâm lý sinh viên cần các loại hình giải trí gì sau giờ học để từ đó tổ chức các buổi sinh hoạt chung, thành lập nhóm tư vấn tâm lý trong đó các giảng viên có kinh nghiệm sẽ chủ trì và tư vấn thường xuyên, tổ chức các trò chơi bổ ích (đồng thời lồng ghép kiến thức thực tế) như : “Ai là triệu phú, Rung chuông vàng...” vào hàng quý hoặc nhiều hơn theo từng Khoa, Viện hoặc toàn trường. Vào các ngày lễ như : 26/3, kỷ niệm ngày thành lập Trường... nên tổ chức các buổi diễn văn nghệ, thi thời trang, cắm trại (trong khuôn viên Trường) để giúp sinh viên có dịp giao lưu, học hỏi, thỏa sức sáng tạo với các trò chơi. Bằng cách tổ chức các hoạt động nói trên, chúng ta đã chủ động hướng sinh viên vào cách sống tích cực, tạo được không gian sinh hoạt vừa học vừa chơi, giải tỏa được tâm lý căng thẳng của sinh viên sau những giờ học tập mệt mỏi mà vẫn quản lý được các em. Các hoạt động bổ ích này cần được nhà trường quan tâm tổ chức thường xuyên và rộng rãi hơn nữa.

### ***3/ Tâm lý mãi mê chinh chiến và yêu đương :***

Bước vào môi trường đại học, vì vướng phải tâm lý “phải có người yêu cho bằng bạn bằng bè” nên rất nhiều sinh viên đã dành khá nhiều thời gian cho việc trau chuốt, tán tỉnh, hẹn hò yêu đương mà vô tình quên mất đi nhiệm vụ cao cả cha mẹ đã đặt kỳ

vọng. Rất nhiều sinh viên bị mắc phải vòng tuần hoàn luẩn quẩn không bao giờ chấm dứt “tán tỉnh – yêu đương – thất tình – tán tỉnh – yêu đương...” đến mức không còn nhận ra thời gian dành cho việc học tập và bỏ lỡ khá nhiều cơ hội trong cuộc sống. Đây là vấn đề khá nhạy cảm mà nhà trường cần giáo dục sinh viên để tránh những hậu quả không mong muốn.

Các trường nên tổ chức những buổi giáo dục giới tính, tâm lý sinh viên nhằm trang bị cho đối tượng mới lớn này những kiến thức căn bản để giúp các em xây dựng được một tình yêu đẹp và an toàn. Các giảng viên cần gần gũi và chia sẻ nhiều hơn nữa về tình yêu và cuộc sống cho sinh viên. Đây là công việc rất thiết thực mà nhà trường cần làm, tạo một nơi sinh viên có thể tìm đến để được tư vấn, hỗ trợ khi gặp trục trặc về vấn đề tình cảm mà không tìm được nơi để chia sẻ.

#### ***4/ Đắm chìm trong những trò chơi điện tử và mạng xã hội :***

Sống trong thời đại truyền thông này, hầu hết sinh viên đều sắm riêng cho mình máy tính, laptop hoặc điện thoại thông minh có kết nối mạng internet. Song song với việc dùng các thiết bị trên để liên lạc, học tập, giải trí thì phần đông sinh viên lại lạm dụng quá nhiều thời gian vào các trò chơi điện tử, tham gia các mạng xã hội như Facebook, Twitter... mà quên hết thời gian cho việc học tập. Rất nhiều sinh viên sống một cuộc sống mà dường như mọi thứ đều liên quan đến mạng xã hội, lao mình vào đó như một con thiêu thân. Nhiều trò chơi điện tử trực tuyến thu hút các bạn nam sinh viên chơi thâu đêm suốt sáng, chơi đến mức mụ mị cả đầu óc, không còn tâm trí dành cho việc học.

Tham gia vào các câu lạc bộ và các lớp học kỹ năng sống trong và ngoài trường chính là chìa khóa để giúp cho các em sinh viên thoát khỏi thế giới ảo của mạng xã hội và các trò chơi điện tử trực tuyến. Nhà trường cần quan tâm tổ chức nhiều hơn nữa các câu lạc bộ như : câu lạc bộ âm nhạc, tiếng anh, toán học, tin học, thể thao...; các lớp kỹ năng như : kỹ năng sống, giao tiếp, lãnh đạo... nhằm giúp cho các em có được khoảng thời gian sinh hoạt lành mạnh sau những giờ học tập mệt mỏi.

#### ***5/ Bị ảnh hưởng bởi những công việc làm thêm :***

Thực tế cho thấy, rất nhiều sinh viên vì hoàn cảnh gia đình khó khăn đã chọn phương án đi làm thêm để trang trải chi phí học tập, cuộc sống và cũng phụ giúp gia đình phần nào. Tuy nhiên lại có rất ít trong số sinh viên này biết cân đối giữa việc học và việc làm mà làm ảnh hưởng rất nhiều đến việc học, mặt khác đi làm thêm mệt mỏi nên khả

năng tập trung học hành sẽ bị hạn chế rất nhiều. Bên cạnh đó, một số bộ phận sinh viên gia đình có điều kiện nhưng vẫn muốn đi làm thêm để có thêm kinh nghiệm cho sau này hoặc vì tiêu xài quá đà dẫn đến nợ nần chồng chất nên phải đi làm thêm để có tiền chi trả. Chưa kể đến một số nhỏ sinh viên phân vân không biết lựa chọn việc làm thêm dẫn đến việc bị dụ dỗ vào những công việc không phù hợp, không lành mạnh và bị ảnh hưởng khá nhiều đến học hành và cuộc sống.

Đứng trước tình hình này, các câu lạc bộ việc làm cho sinh viên, các ngày hội tuyển dụng cần phải được phát triển mạnh và rộng rãi hơn nữa nhằm giúp cho sinh viên có được những công việc bán thời gian phù hợp với năng lực, mang lại tài chính, đảm bảo được thời gian học hành và tránh được những việc làm thêm lệch lạc, tiêu cực không phù hợp với sinh viên.

### **III. Kết luận :**

Nói tóm lại thì có vô vàn nguyên nhân dẫn đến việc ảnh hưởng học tập và cuộc sống của sinh viên năm nhất, có vượt qua được những thử thách, những cám dỗ này hay không chính là ở bản thân các em mà nhà trường, giảng viên là những người hướng dẫn, dìu dắt. Sinh viên là đối tượng với tâm lý phức tạp, dễ bị lôi kéo, dễ sa ngã nếu không được định hướng đúng đắn ngay từ lúc ban đầu. Vì vậy, nhà trường cần tổ chức rộng rãi các hoạt động nói trên nhằm thu hút và giáo dục sinh viên, đối tượng ở ngưỡng cửa bước vào đời.

### **Tài liệu tham khảo**

[1] Những khó khăn trong cuộc sống của Sinh viên năm thứ nhất tại trường Đại học Sư phạm TPHCM; *Nguyễn Thị Tú, Đào Thị Duy Nguyên*

[2] Thuận lợi và khó khăn trong học tập của Sinh viên năm nhất tại trường Đại học Cần Thơ; *Trương Thị Ngọc Diệp, Huỳnh Minh Hiền, Võ Thế Hiện, Hồ Phương Thùy*

[3] <http://thanhnien.vn/giao-duc/6-chuong-ngai-sinh-vien-nam-nhat-thuong-gap-744607.html>